

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG MẦM NON HÀ TRÌ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Đã chỉnh sửa, bổ sung sau khảo sát chính thức)

HÀ NỘI - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG MẦM NON HÀ TRÌ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Kim Huế	Bí thư Chi bộ Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Mai Vân	Phó Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn	Phó chủ tịch Hội đồng	
3	Vũ Thị Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Hoài Thu	Giáo viên-Thư ký Hội đồng trường	Thư ký	
5	Nguyễn Thị Dung	Giáo viên- Tổ trưởng Tổ mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên- Tổ trưởng Tổ mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Ngọc	Giáo viên - Tổ trưởng Tổ mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nhân viên văn thư - Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên hội đồng	
9	Lê Thị Thu Trang	Nhân viên - Tổ trưởng tổ Nuôi dưỡng	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thanh Thủy	Giáo viên - Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
11	Lưu Thị Huệ	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
12	Vũ Hồng Mai	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
13	Nguyễn Thị Phượng	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

HÀ NỘI - NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	26
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	30
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	32
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	36
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	39
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	42
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	48
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	50
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	53
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	58
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 3.1: Diện tích khuôn viên và sân trường	60

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	63
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	66
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	69
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	71
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	77
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	78
Mở đầu	78
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	78
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	82
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	86
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	87
Mở đầu	87
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	87
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	91
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	94
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	97
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	99
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	101
Phần IV. PHỤ LỤC	102

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ viết tắt đầy đủ
1	BCH	Ban chấp hành
2	BGH	Ban giám hiệu
3	BV	Bảo vệ
4	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
5	CMHS	Cha mẹ học sinh
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CSGD	Chăm sóc giáo dục
8	CSGDMN	Cơ sở giáo dục mầm non
9	CSND	Chăm sóc nuôi dưỡng
10	CSNDGD	Chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	GD	Giáo dục
14	GDĐT	Giáo dục đào tạo
15	GDMN	Giáo dục mầm non
16	GVNV	Giáo viên nhân viên
17	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
18	HĐND	Hội đồng nhân dân
19	LC	Lao công
20	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
23	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
24	PCTNTT	Phòng chống tai nạn thương tích
25	PTVĐ	Phát triển vận động
26	QCDC	Quy chế dân chủ
27	TĐG	Tự đánh giá
28	TNCS HCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
29	UBND	Ủy ban nhân dân
30	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
31	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, 3, 4

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	...
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	...
Tiêu chí 1.8		x	x	...
Tiêu chí 1.9		x	x	...
Tiêu chí 1.10		x	x	...
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	...
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	Không đạt
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4:

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

PHẦN I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường : Trường Mầm non Hà Trì

Tên trước đây : Trường Mầm non Hà Trì

Cơ quan chủ quản : UBND Quận Hà Đông

Thành phố	Hà Nội
Quận	Hà Đông
Phường	Hà Cầu
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ I
Năm thành lập trường	2014
Công lập	x
Tư thực	
Dân lập	
Trường liên kết nước ngoài	

Tên Hiệu trưởng	Phạm Thị Kim Huế
Điện thoại trường	0917381176
Fax	
Website	http://mnhatrivi.pgdhadong.edu.vn/
Số điểm trường	01
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 -2023	Năm học 2023-2024
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	04	04	04	04	04
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	05	05	05	05	05

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 -2023	Năm học 2023-2024
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	05	05	05	05	05
Cộng	16	16	16	16	16

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	16	16	16	16	16	
1	Phòng kiên cố	16	16	16	16	16	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	11	11	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	11	11	11	11	11	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	02	02	02	02	02	
1	Phòng kiên	02	02	02	02	02	

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
	cổ						
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
	Cộng	30	30	30	30	30	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	36	36	01	0	36	35	
Nhân viên	14	12	0	0	12	8	BV, LC
Cộng	53	51	01	0	48	46	

b) Số liệu của 05 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số giáo viên	36	36	36	36	36

2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	12	12	12	12	12
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	16.8	16,8	16.7	16.7	16.7
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện và tương đương	01	01	01	01	01
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên	01	01	01	01	01

4. Trẻ em

T	T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em		580	580	580	580	580	
	- Nữ		203	203	263	271	268	
	- Dân tộc thiểu số		0	0	0	01	0	
2	Đối tượng chính sách		0	0	0	01	0	
3	Khuyết tật		0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới		187	187	166	174	223	
5	Học 2 buổi/ngày		580	580	580	580	580	
6	Bán trú		580	580	580	580	580	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp		37.1	37,1	37,1	37,1	37,1	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm		30	30	30	30	30	
	- Trẻ từ 03 đến		0	0	0	0	0	

	12 tháng tuổi						
	- Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	60	60	60	60	60	
	- Trẻ từ 3-4 tuổi	155	155	173	143	142	
	- Trẻ từ 4-5 tuổi	160	160	178	182	185	
	- Trẻ từ 5-6 tuổi	205	205	169	195	193	

5. Các số liệu khác: Không có

PHẦN II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Hà Trì, phường Hà Cầu, quận Hà Đông thuộc sự quản lý của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quận Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 12 tháng 05 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận Hà Đông trên cơ sở chia tách từ trường mầm non Hà Cầu - phường Hà Cầu - quận Hà Đông.

Trường nằm trên địa bàn phường Hà Cầu - quận Hà Đông - thành phố Hà Nội, là khu vực có tốc độ đô thị hóa tương đối nhanh, có nhiều biến động về dân số cơ học, dân trí trên địa bàn không đồng đều. Trường có diện tích đất 2.262,2m², diện tích sàn sử dụng là 4.846,6m², khu trung tâm và điểm trường được thiết kế xây dựng nhà 03 tầng với tổng số 16 phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng các yêu cầu của ngành. Nhà trường có 01 điểm trường tại tổ dân phố Hà Trì 2, phường Hà Cầu với 08 phòng học và 04 phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng học tập đảm bảo cho công tác chăm sóc giáo dục cho cô và trẻ. Năm học 2023-2024, nhà trường có 16 lớp với tổng số 480 trẻ. Số cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) là 53 đồng chí, trong đó đội ngũ CBGVNV có trình độ đạt chuẩn 100% và trên chuẩn là 92,4% (49/53). Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương, chi thường xuyên của đơn vị được quản lý đúng quy định của nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hằng tháng cho người lao động.

Từ khi được thành lập đến nay, nhà trường đã triển khai đầy đủ, có chất lượng các hoạt động của ngành, của địa phương. Nhà trường được công nhận Trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia Mức độ I vào tháng 12 năm 2014 và năm 2019; “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” năm 2016; kiểm định chất lượng đạt cấp độ 3 tháng 12/2018. Năm học 2021-2022, nhà trường đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc cấp Thành phố. Năm học 2022- 2023, nhà trường được Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khen tặng Bằng khen.

2. Mục đích tự đánh giá (TĐG)

Mục đích tự đánh giá là quá trình nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của đơn vị mình để xác định cấp độ chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường và công khai chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường với

các cơ quan chức năng và xã hội.

Công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục luôn được nhà trường quan tâm, nghiêm túc thực hiện. Vì đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm, quyền lợi của nhà trường. Quá trình tự đánh giá giúp trường Mầm non Hà Trì xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, công tác TĐG nhằm chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó giúp nhà trường lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em của nhà trường.

Thông qua kết quả TĐG, nhà trường sẽ nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình để từ đó có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo đáp ứng với các tiêu chuẩn chất lượng đã quy định.

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GDĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, cơ sở vật chất, nhân lực, nghiên cứu khoa học, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. TĐG giúp nhà trường huy động được các nguồn lực từ các cá nhân và tổ chức đầu tư cho giáo dục, tạo điều kiện cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; là cơ sở cho các cơ quan quản lý công nhận nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Nhà trường đã triển khai công tác tự đánh giá theo các tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non, được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo 07 bước sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá
2. Lập kế hoạch tự đánh giá
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
5. Viết báo cáo tự đánh giá
6. Công bố báo cáo tự đánh giá
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, Hiệu trưởng nhà trường đã ra Quyết định số **02/QĐ-MNHT** ngày **04/01/2024** của trường Mầm non Hà Trì về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ

GDĐT tạo gồm 13 thành viên là cán bộ lãnh đạo và các đồng chí giáo viên, nhân viên có uy tín trách nhiệm, đồng chí Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng TĐG đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quy trình công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, phân công nhiệm vụ tới từng thành viên trong Hội đồng. Hội đồng gồm 05 tổ công tác, mỗi tổ được phân công thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá theo từng nhóm tiêu chuẩn. Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch thực hiện cho 16 tuần (không tính ngày nghỉ, lễ) cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1	1. Họp BGH nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. 3. Họp Hội đồng TĐG để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự thảo và ban hành Kế hoạch TĐG. 4. Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể CBGVNV của nhà trường.
Tuần 2	1. Tổ chức tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể CBGVNV của trường. 2. Các nhóm công tác và cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.
Tuần 3 - 5	1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. 2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. 3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.
Tuần 6 - 7	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 5).
Tuần 8 - 9	Họp hội đồng TĐG để:

Thời gian	Nội dung hoạt động
	- Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung; - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí; - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung; - Dự thảo báo cáo TĐG.
Tuần 10 - 12	Họp Hội đồng TĐG để: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.
Tuần 13 - 14	1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 3. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.
Tuần 15 - 16	Đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền.

Để báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình TĐG, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Bộ tiêu chí quản lý chất lượng giáo dục của trường mầm non để làm cơ sở cho việc tiến hành TĐG chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet, các văn bản có liên quan,...để khai thác thông tin, minh chứng và viết

báo cáo tự đánh giá.

Sau khi phân tích, kiểm tra độ tin cậy, xác định tính chính xác, mức độ phù hợp với yêu cầu của từng tiêu chí, các nhóm công tác đã chọn được ra những minh chứng cho nội hàm phù hợp yêu cầu của các tiêu chí tương ứng trong từng tiêu chuẩn kiểm định. Dựa vào tài liệu minh chứng đã chọn lọc, các nhóm công tác xây dựng dự thảo báo cáo từng tiêu chí, sau đó tổng hợp thành báo cáo tiêu chuẩn. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng TĐG, Ban thư ký hoàn thiện các báo cáo tiêu chuẩn và tích hợp với các nội dung khác thành văn bản báo cáo tự đánh giá.

Dựa trên Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, nhà trường đã tiến hành TĐG chất lượng giáo dục của trường trên tất cả các mặt hoạt động. Trong quá trình thực hiện TĐG chất lượng giáo dục của trường, Hội đồng TĐG trường Mầm non Hà Trì đã nhận thấy những điểm mạnh và điểm yếu của nhà trường trong mỗi hoạt động.

Sau khi TĐG nhà trường thấy được những điểm mạnh, điểm yếu trong việc đáp ứng nhu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn, từ đó Ban giám hiệu nhà trường có kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng CSGD trẻ và đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn để tiến hành điều chỉnh các hoạt động công tác quản lý phù hợp với thực tế, với yêu cầu của ngành và xã hội, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Trường Mầm non Hà Trì có cơ cấu tổ chức đúng quy định của Điều lệ trường mầm non; nhà trường quan tâm tới việc xác định phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm hoàn thành sứ mạng của mình trong sự nghiệp phát triển GDĐT của phường Hà Cầu và của quận Hà Đông; công tác quản lý ở mọi lĩnh vực được nhà trường làm tốt trên cơ sở phát huy trí tuệ của tập thể đội ngũ CBGVNV; đảm bảo thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, công tác thi đua khen thưởng CBGVNV và học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, công khai. Hằng năm, các hoạt động lễ hội, phong trào thi đua, hoạt động ngoại khóa luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức đạt kết quả tốt.

Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ để tìm ra các cá nhân tiêu biểu và có khả năng để đưa vào diện bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ CBGVNV của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

nên trong những năm học qua chưa có các vụ việc mất an toàn đối với CBGVNV và trẻ.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Mầm non Hà Trì đã xây dựng phương hướng, chiến lược cho giai đoạn phát triển của Nhà trường giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; có sự kế thừa từ giai đoạn 2015-2020. Nội dung phương hướng, chiến lược đưa ra các sứ mệnh, tầm nhìn, chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với điều kiện về tài chính, trang thiết bị CSVC của nhà trường, năng lực đội ngũ, khả năng thể chất, trí tuệ của trẻ, cơ chế chính sách của địa phương; đã xác định rõ mục tiêu giáo dục của nhà trường nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Mục tiêu này phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non (GDMN) của Luật giáo dục số 43/2019/QH14 [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Hà Cầu, quận Hà Đông giai đoạn 2020-2025 và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường trong giai đoạn này [H1-1.1-02].

Văn bản số 01/PH-MNHT ngày 17 tháng 03 năm 2021 của trường mầm

non Hà Trì về việc Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường mầm non Hà Trì được phòng GDĐT quận Hà Đông phê duyệt ngày ngày 17 tháng 03 năm 2021. Trong 05 năm liên tiếp, tính từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 nhà trường đã đạt được các thành tích đáng tự hào, cụ thể: nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2023-2024. Nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học 2019-2020, 2020-2021; được tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua các năm học 2021-2022, năm học 2022-2023. Năm học 2020-2021 nhà trường được tặng giấy khen có nhiều đổi mới, sáng tạo trong xây dựng trường mầm non hạnh phúc. Những thành tích nhà trường đạt được đã khẳng định tính hiệu quả và thực tiễn của phương hướng chiến lược, đồng thời là minh chứng rõ ràng cho sự phát triển vượt bậc của nhà trường trong giai đoạn vừa qua [H1-1.1-01].

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà trường đã công bố, công khai “*Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Mầm non Hà Trì giai đoạn 2021-2025*” tới toàn thể CBGVNV và phụ huynh học sinh bằng hình thức niêm yết tại bảng tin của nhà trường và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, đăng tải trên trang website, trang fanpage của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Trong những năm qua, trường Mầm non Hà Trì đã có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển như: thành lập Ban chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng trường theo điểm c, khoản 1- Điều 9 - Điều lệ trường mầm non để thực thi giám sát của các bộ phận, đánh giá đúng mức độ; phân công nhiệm vụ tới các phó hiệu trưởng phụ trách công tác CSND, GD đưa chỉ tiêu phấn đấu vào kế hoạch theo từng năm học [H1-1.1-04]; Hội đồng trường thành lập một tổ công tác giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và có đánh giá, báo cáo vào các phiên họp định kỳ của Hội đồng trường; thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để bổ sung, điều chỉnh mục tiêu, phương hướng chiến lược cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp với thực tiễn phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2021-2025 [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Định kỳ hằng năm vào đầu và cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát việc thực hiện phương hướng chiến lược, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại và phân tích nguyên nhân để từ đó bổ sung, điều chỉnh các chỉ

tiêu, đề ra giải pháp thực hiện phương hướng chiến lược phù hợp với thực tế của nhà trường, tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương [H1-1.1-04]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được nhà trường thực hiện công khai, dân chủ bằng trí tuệ của cả tập thể nhà trường và cộng đồng dân cư trên địa bàn phường Hà Cầu. Trường Mầm non Hà Trì đã thành lập ban soạn thảo gồm có hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, các thành viên Hội đồng trường, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và Ban đại diện CMHS của trường để làm tốt việc xây dựng và tổ chức thực hiện “*Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Mầm non Hà Trì giai đoạn 2021-2025*” [H1-1.1-02]. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, “*Dự thảo phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Mầm non Hà Trì giai đoạn 2021-2025*” được niêm yết rộng rãi, công khai trong nhà trường cũng như địa bàn phường Hà Cầu để nhận được sự tham gia đóng góp, xây dựng của đông đảo CBGVNV, cha mẹ trẻ và của cộng đồng [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường còn hạn chế nên kết quả chưa được như mong muốn.

2. Điểm mạnh:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường mầm non Hà Trì đoạn 2021- 2025 khẳng định được tính hiệu quả và thực tiễn thông qua những thành tích tiêu biểu của nhà trường đã trong 05 năm qua như: Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc trong các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2023-2024; Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Hà Nội về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ các năm học 2019-2020 và 2020-2021, Bằng khen về phong trào thi đua xuất sắc trong các năm học 2021-2022 và 2022-2023; Giấy khen cho những đổi mới sáng tạo trong xây dựng trường mầm non hạnh phúc năm học 2020-2021.

3. Điểm yếu:

Việc lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư phường Hà Cầu trong xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tiếp tục duy trì việc tuyên truyền thực hiện kế hoạch	- Đầu mỗi	Cán bộ, giáo	- Triển khai nội dung lấy ý kiến đóng góp của phụ huynh

chiến lược phát triển nhà trường đạt kết quả. - Lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển đạt hiệu quả cao.	năm học và trong quá trình thực hiện thực tế.	viên, nhân viên.	học sinh về phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường trong buổi họp phụ huynh đầu năm học. - Tổ chức trưng cầu ý kiến PHHS định kỳ qua các phiếu khảo sát chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường - Hiệu trưởng có văn bản đề xuất, tham mưu xuất với Ủy ban nhân dân phường Hà Cầu, phối hợp các tổ dân phố, các ban ngành để công khai và lấy ý kiến góp ý cho bản phương hướng chiến lược xây dựng phát triển của trường trong cộng đồng dân cư.
- Rà soát, điều chỉnh phương hướng chiến lược hằng năm và công khai phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	Đầu các năm học.	Thành viên Hội đồng trường.	Căn cứ vào Nghị quyết của Đảng ủy phường Hà Cầu, kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường, trên cơ sở thực tế áp dụng kế hoạch để điều chỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- Được thành lập theo quy định;*
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hội đồng trường của trường Mầm non Hà Trì nhiệm kỳ 2022-2027 được kiện toàn theo Quyết định số 185/QĐ-PGDĐT ngày 27/8/2024 của Phòng GDĐT Hà Đông, gồm có 11 thành viên, được tập thể Hội đồng sư phạm giới thiệu, đảm bảo cơ cấu tổ chức, số lượng theo quy định. Hội đồng trường có Bí thư cấp ủy; Phó hiệu trưởng; Chủ tịch Công đoàn; Bí thư Chi đoàn; đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương và đại diện cha mẹ trẻ em [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]. Hằng năm, hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn giúp Hiệu trưởng về chuyên môn, quản lý nhà trường như: Hội đồng chấm SKKN; Hội đồng xét nâng lương; Hội đồng TĐG; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi; Nhà trường lập danh sách đề xuất với Phòng GDĐT quận Hà Đông ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh,...[H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục theo chương trình GDMN. Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch đầu tư và phát triển nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về nhân sự, tài chính, tài sản; tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường và việc thực hiện QCDC trong nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]. Hội đồng xét nâng lương có nhiệm vụ tư vấn giúp Hiệu trưởng xét nâng lương cho CBGVNV [H1-1.2-06]; Hội đồng Thi đua Khen thưởng tư vấn, tổ chức các phong trào thi đua, đề xuất danh sách khen thưởng đối với CBGVNV và trẻ [H1-1.2-07]. Hội đồng chấm SKKN có trách nhiệm chấm SKKN đúng quy chế [H1-1.2-08]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi có nhiệm vụ chấm các hoạt động của giáo viên, nhân viên theo các tiêu chí của nhà trường đặt ra trong mỗi cuộc thi [H1-1.2-09]. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển sinh, bao gồm xác định số lượng tuyển sinh, đối tượng, thời gian, và phương thức tuyển sinh phù hợp với quy định của ngành giáo dục và thực tế địa phương; giám sát quá trình tuyển sinh từ khi nhận hồ sơ đến khi kết thúc; giải quyết các khiếu nại

và thắc mắc liên quan đến công tác tuyển sinh, bảo đảm quyền lợi của trẻ và sự công bằng, minh bạch trong quá trình tuyển sinh.

Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đều bám sát vào nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường mầm non, lấy đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động theo từng năm học. Hội đồng trường họp 02 lần/năm học [H1-1.1-06]; Hội đồng thi đua khen thưởng họp kịp thời, đầy đủ trong mỗi đợt thi đua [H1-1.2-07]; Hội đồng chấm SKKN họp 01 lần/năm học [H1-1.2-08]; Hội đồng xét nâng lương họp 01 lần để bình xét nâng lương cho CBGVNV [H1-1.2-06]. Ngoài ra, khi có việc đột xuất, Hội đồng trường và các hội đồng khác đều tổ chức họp đột xuất để kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với thực tế của nhà trường. Tuy nhiên, các thành viên trong Hội đồng trường đa số đều là kiêm nhiệm nên đôi khi còn gặp khó khăn khi tham gia một số hoạt động và tiến độ thực hiện còn chậm.

Mức 2:

Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua Khen thưởng và các hội đồng khác hoạt động hiệu quả nên đã góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường. Cụ thể, Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường, giám sát việc thực hiện QCDC trong các hoạt động của nhà trường. Trong năm học vừa qua, Hội đồng trường đã giám sát thành công 100% các hoạt động trọng tâm, đảm bảo các Nghị quyết được thực hiện đúng tiến độ và đạt kết quả cao. Hội đồng Thi đua Khen thưởng và Hội đồng xét nâng lương luôn khách quan, trung thực trong việc bình xét thi đua, đánh giá xếp loại với 98% công đoàn viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có 15% đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]. Hội đồng chấm SKKN luôn phối hợp tốt với các tổ chuyên môn giám sát, khẳng định hiệu quả SKKN của giáo viên tại các nhóm, lớp. Trong 05 năm học vừa qua, nhà trường có 35 sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng xét duyệt. 100% SKKN được đánh giá đạt cấp trường và cấp quận, trong đó có 08 SKKN được công nhận cấp ngành. Hội đồng cũng đã kịp thời động viên các giáo viên có sáng kiến xuất sắc, khuyến khích phong trào viết SKKN trong toàn trường, thúc đẩy tiến bộ khoa học giáo dục và mang lại hiệu quả cao trong quản lý, giảng dạy, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện các mục tiêu đổi mới của trường, của ngành [H1-1.2-08]; [H1-1.2-10].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường hoạt động hiệu quả,

đảm nhận tốt vai trò giám sát các hoạt động và nghị quyết của nhà trường, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, đạt kết quả cao; đảm bảo tính khách quan, trung thực trong đánh giá, bình xét thi đua. Đặc biệt, hội đồng chấm SKKN đã làm tốt việc đẩy mạnh ứng dụng các sáng kiến trong quản lý, giảng dạy và đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Thực hiện các mục tiêu đổi mới của trường và ngành giáo dục, tạo động lực thúc đẩy tiến bộ khoa học và hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu:

Các thành viên trong Hội đồng trường đa số đều là kiêm nhiệm nên đôi khi gặp khó khăn khi tham gia một số hoạt động và tiến độ thực hiện còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tăng cường công tác phân công và điều phối thông qua việc xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, phân công rõ ràng từng nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng trường. - Rà soát tiến độ và chất lượng công việc của Hội đồng trường, kịp thời điều chỉnh phương án làm việc.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Thành viên Hội đồng trường và các Hội đồng khác.	- Hội đồng trường xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, phân công rõ ràng từng nhiệm vụ cho từng thành viên. - Lựa chọn thời gian họp và làm việc phù hợp với lịch trình của các thành viên kiêm nhiệm. - Sử dụng các hình thức họp trực tuyến để tiết kiệm thời gian và đảm bảo sự tham gia của 100% thành viên. - khích tham gia tích cực. - Cung cấp tài liệu, thông tin trước để các thành viên chuẩn bị tốt hơn, giảm áp lực thời gian. - Bổ sung thêm các thành viên chuyên trách để hỗ trợ các hoạt động quan trọng, giảm gánh nặng cho các thành viên kiêm nhiệm.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			- Thường xuyên rà soát tiến độ và chất lượng công việc của Hội đồng trường, kịp thời điều chỉnh phương án làm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng cộng sản Việt nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng cộng sản Việt nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Công đoàn, chi đoàn thanh niên, ban nữ công công đoàn, Hội chữ thập

đỏ của nhà trường đều có cơ cấu tổ chức đúng quy định. Tổ chức công đoàn gồm 50 công đoàn viên, BCH công đoàn có 05 người do Đại hội Công đoàn cơ sở bầu ra; Công đoàn nhà trường trực thuộc Liên đoàn Lao động quận Hà Đông [H1-1.3-01]. BCH công đoàn, ban nữ công công đoàn cơ sở do Công đoàn Giáo dục Hà Đông thành lập theo quyết định số 58/QĐ-CDGD ngày 05/10/2016 [H1-1.3-02]. Nhà trường có Chi đoàn TNCSHCM với tổng số 19 đoàn viên. BCH Chi đoàn có 05 người do Đại hội Chi đoàn cơ sở bầu ra. Sau khi Đại hội được Đoàn phường Hà Cầu ra Quyết định công nhận BCH Chi đoàn gồm 01 Bí thư, 01 phó Bí thư và 03 ủy viên [H1-1.3-03]; Chi hội chữ thập đỏ do phường Hà Cầu thành lập [H1-1.3-04].

Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, ban nữ công Công đoàn, Hội nữ thập đỏ hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Công đoàn, ban nữ công thực hiện tốt vai trò đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của người lao động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các công đoàn viên; luôn gần gũi chia sẻ, giúp đỡ và động viên các công đoàn viên xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, hạnh phúc, con cái hiếu thảo, thuận hòa. Công đoàn hoạt động theo quy định của Luật Công đoàn, đặc biệt chú trọng quyền và trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của đoàn viên, phát triển phong trào thi đua lao động, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho công đoàn viên, qua đó đóng góp vào hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường. Chi đoàn thanh niên gồm những đồng chí trẻ tuổi, năng động, nhiệt tình, gương mẫu và luôn đi đầu trong các hoạt động của nhà trường cũng như của địa phương. Chi đoàn hoạt động theo quy định của Điều lệ Đoàn Thanh niên, phát huy sức trẻ và lòng nhiệt huyết trong các phong trào tình nguyện, hỗ trợ cộng đồng và nâng cao ý thức rèn luyện cho đoàn viên. Hội chữ thập đỏ phối hợp cùng nhà trường tuyên truyền, phổ biến giáo dục lòng nhân ái và chăm sóc sức khỏe đến các công đoàn viên và tổ chức các hoạt động nhân đạo trong trường học [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Hằng năm, vào cuối năm học và giữa học kỳ I, nhà trường thường xuyên thực hiện việc rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ chức công đoàn, chi đoàn, ban nữ công công đoàn, hội chữ thập đỏ nhằm giúp các tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của từng tổ chức. Cụ thể, hoạt động của công đoàn được đánh giá về việc bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người lao động, mức độ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công đoàn viên, và các hoạt động hỗ trợ, động viên trong các phong trào thi đua. Đối với Chi đoàn, nhà trường rà soát kết quả tham gia các hoạt động tình nguyện, công tác hỗ trợ cộng đồng, tổ chức phong trào thi đua, và sự tham gia trong các chương

trình giáo dục, sinh hoạt đoàn thể của đoàn viên. Ban Nữ công Công đoàn được đánh giá về hiệu quả trong việc chăm lo đời sống gia đình, vai trò hỗ trợ bình đẳng giới và sức khỏe cho nữ đoàn viên. Hội Chữ thập đỏ thường xuyên rà soát các hoạt động nhân đạo, tuyên truyền lòng nhân ái, cùng các chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh và công đoàn viên. Việc rà soát giúp các tổ chức điều chỉnh và hoàn thiện các hoạt động, đảm bảo đúng tiến độ và góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.3-06].

Mức 2:

Nhà trường có chi bộ Đảng độc lập với 16 đảng viên thuộc Đảng bộ phường Hà Cầu. Chi bộ được thành lập từ năm 2014 do đồng chí Hiệu trưởng làm Bí thư chi bộ [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]. Chi bộ luôn lãnh đạo nhà trường hoạt động đúng Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam [H1-1.3-09]. Trong 05 năm liên tiếp chi bộ được Đảng bộ phường Hà Cầu đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-10]. Tuy nhiên, tỷ lệ đảng viên trong chi bộ đạt 32% còn thấp so với chỉ tiêu phát triển giáo dục nhà trường.

Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, ban nữ công Công đoàn, Hội chữ thập đỏ thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động như: Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ của nhà trường; phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện QCDC; tổ chức Hội nghị Cán bộ, viên chức và người lao động; tổ chức các ngày hội, ngày lễ của cô và trẻ. Công đoàn thường xuyên đóng vai trò trong công tác thiện nguyện, quyên góp ủng hộ các cuộc vận động như: Quỹ vì người nghèo; quỹ vì biển đảo Việt Nam; quỹ đền ơn đáp nghĩa; quỹ ủng hộ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đồng bị ảnh hưởng do bão lũ với số tiền quyên góp hằng năm đạt từ 15 -> 27 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công đoàn còn kết hợp với Chi đoàn thanh niên vận động hội viên tham gia hiến máu tình nguyện, hằng năm có từ 05-08 đoàn viên tham gia. Sự phối hợp này đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, giúp xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và phát triển phong trào giáo dục trong nhà trường. Công đoàn đã có nhiều thành tích trong phong trào công nhân viên chức lao động và hoạt động Công đoàn. Năm học năm học 2021-2022; 2023-2024 Công đoàn nhà trường được nhận giấy khen của LĐLĐ quận Hà Đông. Chi đoàn Thanh niên tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, vệ sinh môi trường, tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho trẻ và được nhận giấy khen của Quận đoàn, UBND phường Hà Cầu các năm 2021 và 2023. Ban Nữ công Công đoàn chủ động tổ chức các chương trình như: Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ

Việt Nam 20/10, tạo sân chơi bổ ích cho nữ công đoàn viên, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa trong nhà trường. Hội Chữ thập đỏ đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ sức khỏe cho trẻ và giáo viên, tổ chức các buổi tư vấn y tế, và quyên góp hỗ trợ các trường hợp khó khăn. Những thành tích này thể hiện rõ sự đóng góp quan trọng của các đoàn thể, không chỉ trong công tác giáo dục mà còn trong việc xây dựng cộng đồng gắn kết và trách nhiệm xã hội trong nhà trường [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-11].

Mức 3:

Trong 05 năm chi bộ nhà trường luôn tập trung lãnh đạo và bám sát Nghị quyết của Đảng ủy phường Hà Cầu, xây dựng Nghị quyết chi bộ, lãnh đạo chỉ đạo nhà trường và các đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị và các phong trào thi đua. Hằng năm, thực hiện nghiêm túc đánh giá chất lượng đảng viên theo đúng quy trình. 05 năm liên tiếp chi bộ liên tục được Đảng bộ phường Hà Cầu đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-10].

Công đoàn, ban nữ công Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Hội chữ thập đỏ của nhà trường hoạt động tích cực, có đóng góp rất lớn vào kết quả của nhà trường và các hoạt động của địa phương, tích cực tham gia vào các hoạt động nhân đạo từ thiện như: Ủng hộ quỹ vì người nghèo; quỹ giáo dục vùng sâu, vùng xa; ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bão lũ; ủng hộ quỹ vòng tay đồng nghiệp, giúp đỡ công đoàn viên nhà trường bị mắc bệnh hiểm nghèo [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14]. Trong những năm qua, các đoàn thể trong nhà trường đã đạt được một số thành tích như: Công đoàn trường Mầm non Hà Trì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm học 2021-2022 theo quyết định số 115-QĐ/LĐLĐ ngày 10/10/2022 của Chủ tịch Liên đoàn lao động quận Hà Đông; năm học 2023-2024, có 01 đồng chí Phó hiệu trưởng được Công đoàn giáo dục Việt Nam tặng giấy khen cá nhân đạt danh hiệu “Gia đình công nhân viên chức tiêu biểu quận Hà Đông năm 2023” [H1-1.3-15]. Chi đoàn Thanh niên có nhiều hoạt động tích cực trong các phong trào thi đua của nhà trường, địa phương và đạt được thành tích: Có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào Thanh thiếu nhi các năm 2021, 2023 do UBND phường Hà Cầu quyết định; Chi đoàn thanh niên có thành tích xuất sắc tham gia cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu Nghị quyết Đại hội Đảng XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII, cuộc thi trực tuyến tìm hiểu 90 năm truyền thống vẻ vang của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh năm 2021 do Ban thường vụ Đoàn

phường Hà Cầu quyết định; Năm học 2023-2024 có đồng chí Bí thư Chi đoàn đạt giải nhất hội thi “Cán bộ đoàn giỏi năm 2024” do UBND phường Hà Cầu tổ chức. Hội chữ thập đỏ đã hoạt động tích cực trong các phong trào hiến máu nhân đạo, từ thiện và được Hội chữ thập đỏ UBND phường Hà Cầu tặng giấy khen.

2. Điểm mạnh:

Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn tổ chức nhiều hoạt động, hình thức tổ chức phong phú. Chi bộ 05 năm liên tiếp được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ đảng viên trong chi bộ đạt 32% còn thấp so với chỉ tiêu phát triển giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Nâng cao tỷ lệ đảng viên trong chi bộ. Phấn đấu mỗi năm Chi bộ kết nạp từ 03-04 quần chúng ưu tú đứng trong đội ngũ của Đảng.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Bí thư chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.	- Chi bộ giao các đoàn thể có kế hoạch rà soát, tăng cường công tác bồi dưỡng quần chúng ưu tú giới thiệu cho Đảng. Phân công đảng viên chính thức giúp đỡ, dìu dắt để quần chúng được kết nạp vào đảng. - Tham mưu với Đảng bộ phường Hà Cầu quan tâm, tạo điều kiện để các quần chúng ưu tú được tham gia các lớp bồi dưỡng phát triển đảng, hỗ trợ, hướng dẫn chi bộ trong việc hoàn thiện hồ sơ và tham mưu với cấp trên xét duyệt kết nạp đảng với các quần chúng ưu tú.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1.

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một (01) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường mầm non Hà Trì là trường Hạng I [H1-1.4-01]. Theo quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường mầm non, nhà trường hiện có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng là đồng chí Phạm Thị Kim Huế do UBND quận Hà Đông điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2021 [H1-1.4-02]. Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Mai Vân, được bổ nhiệm theo Quyết định số 3992/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2021 [H1-1.4-03]. Đồng chí Phó hiệu trưởng Vũ Thị Hạnh được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 7 năm 2024 [H1-1.4-04].

Nhà trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. Cụ thể, năm học 2023-2024 nhà trường có: 05 tổ chuyên môn (01 tổ nuôi dưỡng và 04 tổ chuyên môn dạy), 01 tổ văn phòng. Tổ nuôi dưỡng gồm 10 thành viên; tổ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) có 11 thành viên; tổ mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi) có 11 thành viên; tổ mẫu giáo bé (3-4 tuổi) có 09 thành viên; tổ nhà trẻ (24-36 tháng) có 05 thành viên. Tổ văn phòng gồm các đồng chí

kế toán, văn thư, y tế, bảo vệ, lao công. Các tổ đều do hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn dạy đều có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó theo quy định, tổ văn phòng có tổ trưởng [H1-1.4-05].

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã thực hiện xây dựng các kế hoạch hoạt động theo tháng, năm. Trên cơ sở đó, tổ chuyên môn và tổ văn phòng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng tuần, tháng, học kỳ, năm học để đưa ra các công việc, đối tượng thực hiện và thời gian hoàn thành mỗi nội dung cụ thể [H1-1.4-06]. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của tổ theo quy định như: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ; quản lý, sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị giáo dục; bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ qua các buổi chuyên đề, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn; đề nghị khen thưởng CBGVNV trong các đợt thi đua hằng năm. Các tổ còn tham gia bình xét, đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN và đánh giá viên chức hằng năm theo quy định. Ngoài ra, tổ văn phòng còn giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản,... Cả tổ văn phòng và các tổ chuyên môn đều đảm bảo việc sinh hoạt theo định kỳ ít nhất hai tuần một lần. [H1.1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú, chưa có tính chủ động, chưa mạnh dạn có ý kiến đóng góp, thảo luận từ các tổ viên.

Mức 2:

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và tình hình thực tế của nhà trường, hằng năm các tổ chuyên môn đều thực hiện được nhiều chuyên đề để nâng cao chất lượng CSGD cụ thể như: Các tổ chuyên môn dạy tổ chức các chuyên đề như: *“Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”*; *“Xây dựng trường học xanh, an toàn, thân thiện, hạnh phúc”*; *“Mỗi lớp học là một không gian sáng tạo”*; chuyên đề *“Phát triển vận động”*; *“Giáo dục kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng sống, kỹ năng “thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ và kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em” và giáo dục tình yêu thương. Ứng dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào các hoạt động cho trẻ kết hợp sử dụng bộ tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho trẻ 5-6 tuổi”*,... tổ chuyên môn nuôi dưỡng tổ chức được các chuyên đề như: *“Đổi mới thực đơn cho trẻ; vệ sinh an toàn thực phẩm và cách lựa chọn thực phẩm tươi ngon”*, *“Giờ ăn hạnh phúc”*; *“Bữa ăn công đoàn”*,... Tất cả các chuyên đề đều được xây dựng kế hoạch cụ thể, được BGH phê duyệt và triển khai đến 100% CBGVNV nên đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CSGD trẻ của nhà trường [H1-1.4-10].

Trong mỗi năm học, các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện các chuyên đề trong lĩnh vực hoạt động của mình nhằm nâng cao chất lượng và

hiệu quả giáo dục tại đơn vị. Hằng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều rà soát công việc, đánh giá kết quả đạt được và điều chỉnh những mặt còn tồn tại; các tổ chuyên môn tổ chức dự giờ chéo, thảo luận góp ý sau dự giờ và kế hoạch giáo dục. Chính vì vậy, kế hoạch của các tổ chuyên môn luôn bám sát tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.2-10]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nghiêm túc kế hoạch đề ra, các thành viên trong tổ luôn trao đổi thảo luận và nêu ra điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để rà soát, điều chỉnh nội dung các hoạt động phù hợp nhằm nâng cao chất lượng CSND và giáo dục trẻ. Chính vì vậy, trong những năm học vừa qua, các tổ chuyên môn có 09 lượt cá nhân giáo viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong hội thi thiết kế bài giảng E-learning cấp quận; năm học 2022-2023 có 01 cá nhân đạt giải Ba cấp quận hội thi giáo viên dạy giỏi quận Hà Đông. Năm học 2023-2024 có 01 cá nhân đạt giải khuyến khích cấp thành phố; 01 giải nhất, 01 giải 3 cấp quận, tổ văn phòng có đồng chí nhân viên văn thư đạt giải khuyến khích trong hội thi kỹ năng CNTT cấp quận [H1-1.4-10]; [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12].

Với sự hoạt động tích cực của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã giúp các thành viên trong tổ phát huy điểm mạnh, khả năng sáng tạo đồng thời lan tỏa đến các thành viên khác để cùng thực hiện hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Cụ thể, năm học 2020-2021 các tổ chuyên môn thực hiện tốt chuyên đề “*Thực chất, hiệu quả, xây dựng trường, lớp mầm non hạnh phúc*”; năm học 2022- 2023 thực hiện tốt chuyên đề: “*Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện - hạnh phúc*”,...[H1-1.4-10]; [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12].

2. Điểm mạnh:

Tổ chuyên môn đã tổ chức nhiều chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục.

3. Điểm yếu:

Nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú. Các thành viên trong tổ chưa có tính chủ động, chưa mạnh dạn có ý kiến đóng góp thảo luận trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
----------	---------------------	-----------------	--------------------------------

- Đổi mới nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ qua các hình thức tổ chức phong phú, sáng tạo. Phát huy tính chủ động mạnh dạn thảo luận và đóng góp ý kiến của các tổ viên tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	- BGH thường xuyên dự các buổi sinh hoạt của các tổ để đưa ra các ý kiến chỉ đạo, góp ý về nội dung sinh hoạt cũng như việc nhận xét đánh giá các thành viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của tổ.
- Duy trì việc bồi dưỡng hằng năm để tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho các đồng chí tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và các tổ viên.			- Bồi dưỡng nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành các buổi sinh hoạt chuyên môn cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường phân chia số lượng trẻ và bố trí vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi quy định, không có lớp ghép. Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số 16 nhóm, lớp, trong đó có 14 lớp mẫu giáo gồm: 05 lớp mẫu giáo lớn (5-6 tuổi); 05 lớp mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi); 04 lớp mẫu giáo bé (3-4 tuổi); 02 nhóm trẻ nhà trẻ (24-36 tháng). Các lớp học được tổ chức hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non và quy chế nuôi dạy trẻ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Nhà trường tổ chức cho 100% trẻ ăn bán trú đảm bảo các điều kiện theo quy định của Điều lệ trường mầm non và Quy chế nuôi dạy trẻ; tổ chức các hoạt động CSGD trẻ theo quy chế chuyên môn. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày [H1-1.5-02].

Trong 05 năm học vừa qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập [H1-1.2-10]; [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2023-2024, nhà trường có 580 trẻ/16 nhóm. Cụ thể: Nhà trẻ có 60 trẻ/2 nhóm lớp trung bình 30 trẻ/nhóm; mẫu giáo 3-4 tuổi có 142 trẻ/4 lớp trung bình 35,5 trẻ/lớp; mẫu giáo 4-5 tuổi có 185 trẻ/5 lớp trung bình 37 trẻ/lớp; mẫu giáo lớn có 193 trẻ/5 lớp trung bình 38 trẻ/lớp. Tháng 5 năm 2024 nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 căn cứ vào số trẻ hiện có, đăng ký chỉ tiêu tuyển mới giảm là 480 trẻ, nhằm đảm bảo số lượng trẻ trên nhóm, lớp đúng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có tổng số 480 trẻ/16 nhóm, lớp. Cụ thể: Nhà trẻ có 50 trẻ/2 nhóm lớp trung bình 25 trẻ/nhóm; mẫu giáo 3-4 tuổi có 100 trẻ/4 lớp trung bình 25 trẻ/lớp; mẫu giáo 4-5 tuổi có 155 trẻ/5 lớp trung bình 31 trẻ/lớp; mẫu giáo lớn có 175 trẻ/5 lớp trung bình 35 trẻ/lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, số trẻ/nhóm, lớp trong cùng một độ tuổi chưa đồng đều giữa khu trung tâm và điểm trường.

Mức 3:

Nhà trường hiện có 16 nhóm, lớp, trong đó có 14 lớp mẫu giáo và 02 nhóm trẻ đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi. Số nhóm, lớp hiện có đảm bảo đúng quy định.

3. Điểm yếu:

Số trẻ/nhóm, lớp trong cùng một độ tuổi chưa đồng đều giữa khu trung tâm và điểm trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Đảm bảo số trẻ/nhóm lớp theo đúng quy định, cân đối đồng đều sĩ số trẻ giữa các lớp trong cùng độ tuổi tại khu trung tâm và điểm trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng	- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị học tập tại điểm trường để thu hút phụ huynh đăng ký cho trẻ học tại điểm trường, từ đó giảm áp lực sĩ số tại khu trung tâm. - Phân bổ học sinh đồng đều giữa các lớp ở điểm trường và khu trung tâm, nhằm đảm bảo số trẻ trong mỗi lớp không vượt quá số lượng quy định. - Tư vấn, vận động phụ huynh cho con học theo sự sắp xếp, bố trí lớp của nhà trường. - Thông tin đầy đủ và chính xác về chất lượng giáo dục tại điểm trường để phụ huynh an tâm khi gửi con đến trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, quản lý tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật kịp thời với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, hồ sơ sổ sách của nhà trường được lập và lưu trữ theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020. Cụ thể gồm: hồ sơ quản lý trẻ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý chuyên môn CSND [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý chuyên môn dạy [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý tài sản cố định, CSVC, tài chính [H1-1.6-05]; hồ sơ quản lý bán trú. Hồ sơ của nhà trường được lưu trữ khoa học, thuận tiện cho CBGVNV khi cần sử dụng và bám sát các văn bản quy định của các cấp về công tác lưu trữ. Căn cứ vào quy chế văn thư, lưu trữ, nhà trường đã ban hành kế hoạch công tác văn thư lưu trữ. CBGVNV trong nhà trường căn cứ theo vị trí việc làm thiết lập hồ sơ công việc theo danh mục và khi kết thúc lập biên bản bàn giao tại bộ phận văn thư theo danh mục ban hành lưu trữ và lưu trữ tại kho chung của nhà trường. Tất cả các hồ sơ, sổ sách, văn bản, tài liệu tham khảo của nhà trường đều được phân loại và sắp xếp vào từng cặp, hộp có dán nhãn mác đầy đủ, rõ ràng, thuận tiện cho việc sử dụng, tra cứu [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

Hàng năm, căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách của UBND quận Hà Đông, nhà trường chỉ đạo bộ phận kế toán lập dự toán thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất, thực hiện công khai và định kỳ kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định và theo văn bản hiện hành [H1-1.6-09]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác quyết toán, thống kê, báo

cáo tài chính đảm bảo chính xác, đúng quy định; thực hiện nghiêm túc công tác công khai theo số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-1.6-10]; thực hiện nghiêm túc Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT quy định biên soạn, thẩm định và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong cơ sở GDMN và Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT lựa chọn đồ chơi, học liệu trong trường mầm non. Đối với các khoản ngoài ngân sách nhà trường bám sát vào văn bản của các cấp, căn cứ vào thực tiễn nhà trường xây dựng kế hoạch dự kiến chi- thu, lấy ý kiến của CBGVN, thỏa thuận với phụ huynh học sinh, thực hiện công khai niêm yết, xin phê duyệt của UBND quận Hà Đông; thực hiện chi, các nội dung chi có đầy đủ các chứng từ theo quy định quản lý tài chính. Ngoài ra, nhà trường còn tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường [H1-1.6-11]. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường hằng năm được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo sự minh bạch, dân chủ, công khai thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức đầu năm học và buổi họp hội đồng sư phạm tháng 1 hằng năm [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính theo Luật Ngân sách, các nội dung liên quan đến tài chính đều được công khai. Hoạt động kiểm tra tài chính được thực hiện theo đúng quy định, quản lý tốt tài sản. Hằng năm, nhà trường ban hành Quyết định thành lập tổ mua sắm tài sản, sửa chữa CSVC. Tổ mua sắm tài sản và sửa chữa CSVC bao gồm các đồng chí đại diện BGH, Ban thanh tra nhân dân, BCH Công đoàn, Chi đoàn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng [H1-1.6-14]. Tổ mua sắm CSVC nghiêm túc thực hiện công tác rà soát, đánh giá chất lượng tài sản, CSVC và giá trị sử dụng của từng loại tài sản theo từng tháng để có kế hoạch bổ sung, sửa chữa kịp thời nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động CSGD trẻ [H1-1.6-15]. Mặc dù, diện tích không gian của trường không rộng nhưng nhà trường đã tiến hành cải tạo xây dựng được khu trải nghiệm, sáng tạo; khu vui chơi phát triển vận động; khu vườn rau của bé cho trẻ hoạt động chăm sóc, trải nghiệm và khám phá [H1-1.6-16].

Mức 2:

Để công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả thì ngoài việc thiết lập hồ sơ quản lý khoa học nhà trường còn làm tốt việc thực hiện việc ứng dụng CNTT vào quản lý tài chính, tài sản có hiệu quả và không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản; ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý thu, chi như: thực hiện chữ ký số, thanh toán học phí, tiền ăn không sử dụng tiền mặt; ứng dụng ứng dụng CNTT với các phần mềm hỗ trợ

như: phần mềm Cơ sở dữ liệu, phần mềm cán bộ, công chức, viên chức, phần mềm Temis, phần mềm Viettec trong quản lý nuôi dưỡng, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Das, phần mềm quản lý tài sản cố định, phần mềm quản lý các khoản thu. Các phần mềm đã phát huy hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, giúp nhân viên kế toán, văn thư giảm tải cường độ làm việc và đảm bảo độ chính xác tuyệt đối [H1-1.6-17].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã làm tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Thực hiện công khai minh bạch các khoản thu chi tài chính, tài sản có kiểm tra định kỳ về việc sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả. Từ năm học 2019-2020 đến nay nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-09]; [H1-1.6-11];

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương như: Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thu, chi các khoản thu theo quy định và các khoản thu ngoài học phí, thu chi tài chính để tạo ra nguồn tài chính phù hợp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường; Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa CSVC và mua sắm trang thiết bị, xây dựng kế hoạch các khoản thu đối với trẻ và huy động XHHGD để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuy nhiên, kế hoạch dài hạn còn gặp khó khăn do các nguồn lực và điều kiện địa phương còn hạn chế [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác quản lý công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hồ sơ được lưu trữ khoa học, đúng quy định. Nhà trường nghiêm túc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản theo quy định, thực hiện việc dụng CNTT vào quản lý tài chính, tài sản có hiệu quả và không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch dài hạn còn gặp khó khăn do các nguồn lực và điều kiện địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
----------	---------------------	-----------------	--------------------------------

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
Tăng cường các biện pháp dài hạn đảm bảo đạt kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng, kế toán	- Bám sát mục tiêu kế hoạch để thực hiện, tăng cường các biện pháp phối hợp với chính quyền địa phương, tham mưu lãnh đạo các cấp hỗ trợ cả về vật chất và công tác tuyên truyền. - Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục tạo lòng tin của lãnh đạo chính quyền địa phương, CMHS và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng

chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBGVNV nhằm giúp GVNV nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua các hoạt động bồi dưỡng lý thuyết, tổ chức các chuyên đề, sinh hoạt tổ khối, giao lưu học tập đơn vị bạn. Bên cạnh đó, BGH nhà trường tạo điều kiện cho GVNV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, tham gia bồi dưỡng thường xuyên, dự các chuyên đề về công tác giáo dục, CSND do các cấp tổ chức [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phân công đối với từng CBGVNV căn cứ vào năng lực, sở trường, đảm bảo đúng người, đúng việc, phù hợp giữa chuyên môn và vị trí việc làm nhằm giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa những điểm mạnh, hạn chế những điểm yếu giúp cho việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân đạt hiệu quả cao nhất [H1-1.7-04]. Cụ thể, đồng chí Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý chung về đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, thực hiện xây dựng các quy chế, các kế hoạch hoạt động chung của nhà trường và triển khai cụ thể đến các bộ phận. Đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục trẻ, giúp việc cho đồng chí Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo và lập kế hoạch hoạt động, xây dựng các chuyên đề, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ để đánh giá giáo viên, đưa tiêu chí thực hiện quy chế chuyên môn để đánh giá hằng tháng. Đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng giúp việc cho đồng chí Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo và lập kế hoạch hoạt động, xây dựng các chuyên đề, kế hoạch bồi dưỡng nhân viên về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng; xây dựng thực đơn thay đổi theo mùa, theo tuần [H1-1.4-09]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]. Phân công chỉ đạo đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động CSGD, hoạt động vệ sinh, trực trưa, tổ chức hoạt động ăn - ngủ cho trẻ theo từng tuần; nhân viên nuôi dưỡng có nhiệm vụ chế biến món ăn theo đúng thực đơn của nhà trường [H1-1.7-05]. Đồng chí nhân viên kiêm nhiệm công tác y tế có kế hoạch cân đo theo quý, liên hệ khám sức khỏe cho trẻ theo định kỳ, theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, hằng tuần kiểm tra công tác vệ sinh của các nhóm, lớp [H1-1.7-06]. Nhân viên kế toán chịu trách nhiệm về các khoản thu - chi trong nhà trường [H1-1.6-09]. Các đồng chí nhân viên bảo vệ chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của CBGVNV và trẻ [H1-1.7-07]. Tuy nhiên, do đặc thù nhà trường có hơn 96% CBGVNV là nữ, đại đa số chị em hiện đang trong độ tuổi sinh con nên có thời điểm số lượng CBGVNV nghỉ thai sản nhiều cũng gây khó khăn cho mọi hoạt động của nhà trường.

CBGVNV nhà trường được đảm bảo cung cấp đầy đủ đồ dùng CSVC cũng như các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ CSGD trẻ như:

máy tính, máy in, tủ đựng hồ sơ tài liệu, văn phòng phẩm, đồ dùng, đồ chơi theo quy định và được tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.6-15]; [H1-1.7-03]. Tất cả CBGVNV trong nhà trường đều được Công đoàn nhà trường quan tâm kịp thời khi nảy sinh những tình huống trong cuộc sống, quyền lợi cá nhân, nhân phẩm, danh dự đều được bảo vệ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. 100% CBGVNV đều được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo đúng các quy định của pháp luật, luật lao động, các quy định, quy chế của ngành. Ngoài ra, nhà trường còn được điều kiện để GVNV được học tập nâng cao trình độ, được khám sức khỏe hằng năm,...BCH công đoàn đã tổ chức cho CBGVNV đi tham quan, nghỉ mát nhằm động viên tinh thần chị em trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao [H1-1.7-08]. 100% CBGVNV được hưởng lương theo đúng quy định của nhà nước, được hưởng các chế độ phụ cấp nghề, phụ cấp chức vụ. Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBGVNV được tuyển dụng chính thức vào làm việc theo quy định của Nhà nước [H1-1.7-09].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp phát huy được năng lực của CBGVNV trong việc xây dựng và phát triển để nâng cao chất lượng CSGD trẻ như: Thực hiện tốt công tác phân công đội ngũ có tính kế thừa về độ tuổi và chuyên môn để mỗi cá nhân đã phát huy được những ưu điểm thế mạnh của mình trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà trường. Bên cạnh đó, căn cứ vào nhiệm vụ năm học của ngành, nhiệm vụ trọng tâm nhà trường đã có các giải pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: tổ chức các phong trào thi đua, tuyên dương những tấm gương điển hình, bình xét, đánh giá hàng tháng, xếp loại thi đua và trao thưởng qua các đợt sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.2-10]; [H1-1.7-10].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đúng người, đúng việc, phù hợp giữa chuyên môn và vị trí việc làm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt các chế độ đảm bảo các quyền theo quy định cho CBGVNV, thực hiện động viên khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, tổ nhóm có thành tích đóng góp nổi bật cũng như đổi mới sáng tạo trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

3. Điểm yếu:

Đa số giáo viên trong độ tuổi sinh con nên có những thời điểm số lượng CBGVNV nghỉ thai sản nhiều cũng gây khó khăn cho mọi hoạt động của nhà

trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Phân công, sử dụng CBGVNV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo các quyền lợi, đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. - Duy trì hằng năm việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBGVNV.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, BCH công đoàn; tổ trưởng các tổ chuyên môn.	- Sắp xếp vị trí việc làm phù hợp, tạo điều kiện cho các giáo viên trong và ngoài độ tuổi sinh để làm việc cùng lớp, cùng bộ phận,... để công tác CSGD trẻ đạt hiệu quả. - Rà soát, lấy ý kiến của CBGVNV về nhu cầu và nguyện vọng đào tạo bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn nhà trường căn cứ Thông tư 01/VBHN-BGDĐT năm 2021 do Bộ GDĐT ban hành; căn cứ quy chế thực hiện chuyên môn cấp học mầm non, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng GDĐT và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục bám sát với mục tiêu chủ đề năm học và phù hợp với điều kiện CSVC, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị. Bên cạnh đó, nhà trường còn đưa ra một số mục tiêu nâng cao cho từng độ tuổi, chú trọng giáo dục kỹ năng tự phục vụ và giáo dục lòng yêu thương cho trẻ phù hợp với tình hình thực tế tại nhà trường và địa phương [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch giáo dục của một số nhóm, lớp còn chưa thực sự linh hoạt để điều chỉnh theo các thay đổi bất ngờ trong lịch trình hoặc điều kiện môi trường.

Kế hoạch giáo dục năm được ban hành theo từng khối, trên cơ sở kế hoạch của khối, các nhóm lớp căn cứ vào thực tiễn của mình để xây dựng kế hoạch giáo dục năm của lớp, kế hoạch từng tháng [H1-1.8-01]. Nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục trong 35 tuần theo đúng hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và chỉ đạo giáo viên nghiêm túc thực hiện theo đúng phiên chế tuần [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Hàng tháng, nhà trường chỉ đạo thực hiện đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN cuối mỗi ngày, mỗi tháng, có bảng tổng hợp đánh giá, có điều chỉnh kế hoạch, triển khai kế hoạch. Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm tra dự giờ thăm lớp theo kế hoạch của chuyên môn và kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học. Thông qua các hoạt động kiểm tra và các buổi sinh hoạt chuyên môn, BGH đã rà soát đánh giá và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch giáo dục đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường nghiêm túc thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng CSND GD trẻ theo đúng kế hoạch đã xây dựng; thường xuyên đưa ra các biện pháp chỉ đạo sát sao, kịp thời như: chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp thực hiện nghiêm túc lịch sinh hoạt một ngày của trẻ, thực hiện dây chuyền làm việc theo sự phân công của BGH, tự kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại lớp mình. Thành lập ban kiểm tra của nhà trường, trực tiếp Ban thanh tra nhân dân kiểm tra giám sát các hoạt động CSNDGD trẻ. Chỉ đạo GVNV hằng tháng báo cáo kết quả CSNDGD trẻ cụ thể theo từng tháng và nhận xét, rút kinh nghiệm, điều chỉnh kế hoạch giáo dục hợp lý hơn, đưa ra mục tiêu phấn đấu của năm học để GVNV thực hiện trong quá trình thực hiện nhà trường đánh giá kết

quả theo tháng để làm căn cứ xếp loại công chức, viên chức, chuẩn nghề nghiệp cuối năm học [H1-1.2-10]; [H1-1.6-11]. Chính vì vậy, công tác CSND và GD trẻ của nhà trường đạt hiệu quả cao, được cơ quan quản lý ghi nhận và luôn đạt kết quả tốt trong các đợt kiểm tra như: năm học 2022-2023, nhà trường được đoàn kiểm tra Liên ngành của Thành phố xếp loại Tốt về công tác y tế học đường và vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.8-03]. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc. Trong đó, năm học 2021-2022 nhà trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cấp Thành phố; năm học 2022-2023 nhà trường được Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội khen tặng bằng khen [H1-1.4-12]; có 09 lượt cá nhân giáo viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích thi bài Giảng E-learning cấp quận, cấp Thành phố; 01 đồng chí nhân viên đạt giải khuyến khích thi CNTT cấp quận năm học 2023-2024; 05 SKKN được xếp loại cấp ngành; 01 cá nhân đạt giải Ba hội thi giáo viên dạy giỏi quận Hà Đông năm học 2022-2023.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng, thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục và thường xuyên có sự đánh giá, rà soát, điều chỉnh đảm bảo theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Trong những năm học qua, nhà trường đã đạt được những thành tích như: Trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia Mức độ I, đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 chất lượng giáo dục; năm học 2022-2023, 2023-2024 nhà trường được xét tặng danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc cấp Thành phố; có cá nhân đạt giải cao trong các cuộc thi giáo viên, nhân viên giỏi cấp quận, cấp Thành phố.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch giáo dục của một số nhóm, lớp còn chưa thực sự linh hoạt để điều chỉnh theo các thay đổi bất ngờ trong lịch trình hoặc điều kiện môi trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Duy trì và phát huy hiệu quả công tác quản lý để nâng cao chất lượng CSGD trẻ.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng; các Phó hiệu trưởng, tổ	Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá và bổ sung kịp thời các nội dung để kế hoạch CSGD trẻ đạt hiệu quả cao hơn.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Trong quá trình xây dựng kế hoạch, Bộ phận chuyên môn xác định các tình huống bất ngờ có thể xảy ra (thời tiết xấu, số lượng trẻ tham gia,...)		trưởng chuyên môn, giáo viên	- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, xây dựng một ngân hàng các hoạt động dự phòng có thể thực hiện trong mọi điều kiện môi trường.
- Tăng cường khả năng ứng biến nhanh chóng và hiệu quả cho đội ngũ giáo viên.			- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn bồi dưỡng, chuyên về kỹ năng ứng phó linh hoạt cho đội ngũ giáo viên, giúp giáo viên có khả năng xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục một cách nhanh chóng và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.9: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong

nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, CBGVNV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục công lập. Nhà trường đã phổ biến đến 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về các văn bản chỉ đạo thực hiện QCDC trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo của cấp trên, nhà trường xây dựng văn bản dự thảo QCDC và đưa ra trong cuộc họp: Hội nghị cấp tổ, hội nghị cán bộ chủ chốt, Hội đồng trường, hội đồng sư phạm nhà trường và được niêm yết tại bảng tin nội bộ lấy ý kiến thảo luận, đóng góp cho bản dự thảo. Sau khi lấy ý kiến đóng góp cho bản dự thảo, nhà trường hoàn thiện bản QCDC và đưa ra trước cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường và trong hội nghị công chức, viên chức đầu năm. Khi không có ý kiến nào nhà trường hoàn thiện bản QCDC chính thức và đi vào thực hiện [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Trong 05 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá, CBGVNV trong nhà trường thực hiện tốt nội quy, quy chế của đơn vị, ngành, địa phương, không xảy ra đơn thư khiếu nại [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện QCDC ở cơ sở. Báo cáo luôn đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ, thống nhất, kịp thời và đúng thời gian, đầy đủ nội dung theo quy định [H1-1.9-02].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được xây dựng nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và hiệu quả, thông qua sự tham gia tích cực của Ban Thanh tra Nhân dân và tổ chức Công đoàn. Việc công khai được thực hiện bằng cách thông báo rõ ràng và đầy đủ các quy định, kế hoạch, cũng như kết quả giám sát thông qua các kênh như: họp hội đồng sư phạm, bảng tin nội bộ, bảng công khai và các nền tảng thông tin trực tuyến. Nội dung giám sát bao gồm: thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các nhiệm vụ công tác của đơn vị, chế độ chính sách, quản lý tài chính, tài sản, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện phong trào “hai không”, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, và công tác thi đua, khen

thường [H1-1.6-10]; [H1-1.6-12]; [H1-1.9-05].

Việc đảm bảo hiệu quả được thể hiện qua khả năng giám sát toàn diện, kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, đảm bảo các hoạt động của nhà trường diễn ra đúng quy định, minh bạch và công bằng. Kết quả cụ thể là từ năm 2019 đến nay, nhà trường không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, cho thấy sự hài lòng và đồng thuận từ cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh. Đặc biệt, các ý kiến, phản hồi từ phụ huynh luôn được Ban Giám hiệu nhà trường tiếp nhận, xử lý một cách hợp tình, hợp lý [H1-1.9-06]. Tuy nhiên, hiệu quả của cơ chế giám sát còn bị ảnh hưởng bởi tính kiêm nhiệm của Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Chấp hành Công đoàn, dẫn đến thời gian dành cho công tác giám sát chưa đủ nhiều.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng và thực hiện các biện pháp, cơ chế giám sát quy chế dân chủ, đảm bảo tính công khai, minh bạch và hiệu quả. Thông qua sự tham gia tích cực của Ban Thanh tra Nhân dân và tổ chức Công đoàn, các hoạt động giám sát được triển khai toàn diện trên nhiều nội dung, từ thực hiện chủ trương, chính sách, quản lý tài chính, tài sản, đến công tác thi đua, khen thưởng. Công tác công khai được thực hiện đồng bộ qua nhiều kênh giúp tăng cường sự minh bạch. Kịp thời phát hiện, xử lý bất cập, duy trì sự công bằng và đồng thuận cao từ cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh. Kết quả đáng ghi nhận là từ năm 2019, nhà trường không phát sinh khiếu nại, tố cáo, đồng thời luôn xử lý phản hồi của phụ huynh một cách thấu đáo, tạo môi trường giáo dục tin cậy và minh bạch.

3. Điểm yếu:

Ban thanh tra nhân dân, BCH Công đoàn còn kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc giám sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ để phát huy tối đa sức mạnh tập thể trong nhà trường.	Từ năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Hiệu trưởng	- Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. - Thực hiện nghiêm túc Thông tư 09/2024/TT-

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Thực hiện giảm giờ dạy và quy đổi một số hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy cho cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm ban thanh tra nhân dân, BCH công đoàn.			- Chú trọng làm rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, trách nhiệm của CBGVNV; những việc CBGVNV cần phải biết; những việc CBGVNV tham gia ý kiến Thủ trưởng quyết định, những việc cán bộ, viên chức giám sát kiểm tra. - Thực hiện theo Thông tư số:48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp

nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tế tại đơn vị, hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự; VSATTP; an toàn PCTNTT; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Nhà trường xây dựng nội qui trường học, quy định giờ đóng, mở cổng khi đón trả trẻ, lắp đặt 24 mắt camera tại các khu vực hành lang, cổng trường, nhà xe, bếp ăn. Tại phòng bảo vệ có số điện thoại của công an phường, công an PCCC để liên lạc khi cần thiết [H1-1.10-02]. Nhà trường luôn quan tâm chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn PCTNTT cho trẻ. Công tác đảm bảo VSATTP luôn được nhà trường đặc biệt quan tâm như ký hợp đồng với 100% các đơn vị cung ứng thực phẩm có uy tín, có chất lượng tốt để đảm bảo an toàn cho trẻ, giao nhận thực phẩm đúng quy định, chế biến đảm bảo đúng thực đơn, đúng quy trình bếp một chiều. Bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.6-06]; [H1-1.10-03].

Nhà trường có nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân, hòm thư góp ý, công khai số điện thoại của Hiệu trưởng nhà trường, có kế hoạch và phân công các cá nhân tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh đối với các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-04]; [H1-1.10-04]. Ngay từ đầu của mỗi năm học, BGH nhà trường đã đưa ra các quy định trong việc đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho CBGVNV trong nhà trường như: Giáo viên đón trả trẻ đúng theo quy định, có sổ theo dõi trẻ, sổ nhật ký [H1-1.5-02]; [H1-1.10-05]; xây dựng và triển khai cho CBGVNV về nội dung PCTNTT; phân

công nhiệm vụ cụ thể, phân lịch trực cho nhân viên bảo vệ đảm bảo theo quy định và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho nhân viên bảo vệ các nội dung về đảm bảo an ninh, an toàn trong nhà trường [H1-1.7-07]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp, phân công, chỉ đạo, đôn đốc giáo viên thường xuyên tiến hành kiểm tra các trang thiết bị, ĐDDC rà soát các khu vực sinh hoạt, học tập của trẻ để kịp thời phát hiện và khắc phục những yếu tố gây mất an toàn cho trẻ. Vì vậy trong nhiều năm liên tục không xảy ra các tình huống mất an toàn cho cô và trẻ trong phạm vi nhà trường. Hằng năm, nhà trường được UBND quận Hà Đông công nhận là trường học an toàn [H1-1.10-06].

Nhà trường luôn thực hiện chính sách công bằng với GVNV và trẻ. Chính vì vậy, mọi trẻ đều được CSNDGD như nhau không phân biệt không phân biệt thành phần, giới tính. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức cho giáo viên ký cam kết đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ về thể chất lẫn tinh thần, quán triệt giáo viên thực hiện đối xử công bằng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ, tuyệt đối không kỳ thị, không có hành vi bạo lực thể chất và tinh thần trẻ, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường tổ chức cho 100% CBGVNV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án đảm bảo an toàn cụ thể như: Tham gia các lớp tập huấn PCTNTT, chỉ đạo GVNV nghiêm túc thực hiện Thông tư 45/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GDĐT về xây dựng trường học an toàn, PCTNTT; đôn đốc giáo viên thường xuyên tiến hành kiểm tra các trang thiết bị, ĐDDC, rà soát các khu vực sinh hoạt, học tập của trẻ để kịp thời phát hiện và khắc phục những yếu tố gây mất an toàn cho trẻ. Để không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm, bệnh dịch lây lan trong nhà trường, BGH chỉ đạo toàn trường nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Đầu mỗi năm học, nhà trường liên hệ với công an PCCC tổ chức cho CBGVNV học tập bồi dưỡng lý thuyết và thực hành công tác PCCC, cấp chứng nhận cho đội PCCC cơ sở. Nhà trường trang bị đầy đủ hồ sơ, các trang thiết bị PCCC theo quy định, thành lập Ban chỉ huy và xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện công tác PCCC tại đơn vị với các phương án diễn tập cụ thể [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09]. Nhà trường phối hợp Công an PCCC quận về hướng dẫn trẻ kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ trong nhà trường để trẻ có kỹ năng tự bảo vệ bản thân [H1-1.10-10]. Nhà trường luôn xây dựng, thực hiện tốt các phương án, có sự phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương nên tình hình an ninh trật tự, an toàn của nhà trường luôn được đảm bảo an ninh trật tự. Tuy nhiên, do đặc thù hơn 96% CBGVNV trường Mầm non Hà Trì là nữ nên việc thực tập

phương án PCCC đôi khi còn gặp nhiều khó khăn.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra thực tế các lớp, các bộ phận và thu thập thông tin, đánh giá kịp thời các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Hằng năm, nhà trường phối kết hợp với tổ dân phòng, tổ dân phố Hà Trì 1, 2, 3, 4, 5 và công an phường Hà Cầu để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-11].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn xây dựng, thực hiện tốt các phương án, có sự phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương nên tình hình an ninh trật tự, an toàn của nhà trường luôn được đảm bảo an ninh trật tự.

3. Điểm yếu:

Do đặc thù trên 96% CBGVNV là nữ nên việc thực tập phương án PCCC còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phối kết hợp với các phòng ban chức năng của phường Hà Cầu và CMHS để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	CBGVNV	- Thường xuyên phối kết hợp với công an phường Hà Cầu để đảm bảo an ninh trật tự cho CBGVNV và trẻ. - Kiểm tra chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm các đơn vị cung ứng thực phẩm để đảm bảo an toàn. - Tăng cường công tác tổng vệ sinh thường xuyên để phòng chống dịch bệnh.
- Tổ chức luyện tập phương án PCCC thường xuyên.	Học kỳ I năm học 2024-2025	BGH	- Phối hợp với công an PCCC quận Hà Đông xây dựng phương án PCCC chi tiết, cụ thể. Xây dựng kế hoạch thực tập phương án theo đặc thù nhà trường. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBGVNV. - Mời cán bộ công an PCCC về diễn tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	...	
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt			...	
Đạt		Đạt			

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường Mầm non Hà Trì có cơ cấu tổ chức bộ máy ổn định theo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với quy định pháp luật, với văn bản hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, với điều kiện thực tế của nhà trường, với đặc thù của địa phương. Số trẻ đến lớp được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được ăn bán trú và học 02 buổi/ ngày. Mọi hoạt động của nhà trường đều có kế hoạch chỉ đạo theo tuần, tháng, năm học và 100% CBGVNV nghiêm túc thực hiện đúng theo kế hoạch đã xây dựng. Công tác đánh giá CBGVNV của nhà trường được thực hiện nghiêm túc, công khai, dân chủ, công bằng, CBGVNV yên tâm công tác, tích cực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, PCTNTT, phòng chống dịch bệnh, phòng chống ngộ độc thực phẩm vì vậy nhà trường luôn đạt kết quả tốt trong các đợt kiểm tra.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: việc lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong xây dựng phương hướng, chiến lược của nhà trường còn hạn chế. Tỷ lệ Đảng viên của nhà trường còn thấp mới đạt 32%. Kế hoạch dài hạn còn gặp khó khăn do các nguồn lực và điều kiện địa phương còn hạn chế. Ban thanh tra nhân dân, BCH công đoàn còn kiêm nhiệm nên việc thực hiện các biện pháp, cơ chế giám sát còn chưa đảm bảo thời gian theo kế hoạch. Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú. Các thành viên trong tổ chưa có tính chủ động, chưa mạnh dạn có ý kiến đóng góp thảo luận trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. Kế hoạch giáo dục của một số nhóm, lớp còn chưa thực sự linh hoạt để điều chỉnh theo các thay

đổi bất ngờ trong lịch trình hoặc điều kiện môi trường.

*** Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10. Tỷ lệ 0%

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10. Tỷ lệ 0%

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 5/5. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/5. Tỷ lệ 0%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có thâm niên công tác lâu năm trong ngành, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, có đầy đủ các văn bằng chứng chỉ theo quy định. Đội ngũ giáo viên và nhân viên đảm bảo cơ cấu số lượng theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được phân công công việc phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực cá nhân. Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Đội ngũ CBGVNV được bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở

mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường không chỉ đạt các yêu cầu theo quy định tại Thông tư 25/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Chuẩn hiệu trưởng CSGDMN, mà còn được đánh giá cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và uy tín trong công tác. Đồng chí Phạm Thị Kim Huế - Hiệu trưởng nhà trường, với 29 năm công tác liên tục trong cấp học mầm non, luôn thể hiện trách nhiệm cao, sự mẫu mực và năng lực lãnh đạo toàn diện. Đồng chí Vũ Thị Hạnh - PHT phụ trách công tác CSND, có thời gian công tác liên tục trong cấp học mầm non là 16 năm. Đồng chí Nguyễn Thị Mai Vân - PHT phụ trách công tác giáo dục có thời gian công tác trong cấp học mầm non là 14 năm. Cả ba đồng chí đều có trình độ đại học sư phạm chuyên ngành mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị và đã hoàn thành các khóa bồi dưỡng về quản lý nhà nước, quản lý giáo dục; có chuyên môn vững vàng, có nghiệp vụ sư phạm và năng lực quản lý đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-02]. Đặc biệt, các đồng chí luôn giữ gìn sức khỏe tốt để đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công việc, góp phần đưa nhà trường phát triển ổn định và bền vững.

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng hằng năm đều được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT. Kết quả đánh giá hằng năm của Hiệu trưởng và các PHT đều đạt từ mức khá trở lên [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng luôn nhận được sự quan tâm của Quận ủy - Hội đồng nhân dân - UBND và phòng GDĐT quận Hà Đông nên liên tục được tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị vào dịp hè các năm; bồi dưỡng chuyên đề; bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tiên tiến với chuyên gia; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; PCTNTT, phòng chống cháy nổ; giáo dục tình yêu thương và kỹ năng tự phục vụ, phòng chống dịch bệnh và VSATTP,... [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 2:

Trong nhiều năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường thực hiện TĐG và được cấp trên đánh giá theo Thông tư 25/2018/TT-BG&ĐT. Kết quả cả 03 đồng chí trong BGH nhà trường đều được đánh giá đạt từ mức Khá trở lên [H1-2.1-01]. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp Tiếng Anh của các đồng chí BGH còn hạn chế, cả 03 đồng chí chưa tham gia học các lớp nâng chuẩn trình độ thạc sĩ.

Hàng năm, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị trong dịp hè như: Tham gia nghe thời sự trong nước và nước ngoài; tình hình biển đảo Việt Nam; tình hình kinh tế chính trị quận Hà Đông. Các đồng chí hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều là những cán bộ quản lý gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt được CBGVNV trong trường tín nhiệm [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng các PHT đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên trong đó: Đồng chí Phạm Thị Kim Huế - Hiệu trưởng được đánh giá đạt mức tốt 03 năm/05 năm; Đồng chí Nguyễn Thị Mai Vân - PHT được đánh giá đạt mức tốt 03 năm/03 năm; Đồng chí Vũ Thị Hạnh - PHT được đánh giá đạt mức tốt 03 năm/05 năm [H1-2.1-01].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có thâm niên lâu năm, trình độ đào tạo trên chuẩn, năng lực quản lý tốt, chuyên môn vững vàng; tham gia đầy đủ bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, được tập thể CBGVNV trong nhà trường tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu:

Khả năng giao tiếp tiếng Anh của các đồng chí BGH còn hạn chế, chưa tham gia các lớp học nâng chuẩn trình độ Thạc sỹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tăng cường tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng sử dụng tiếng Anh. - Hiệu trưởng và các	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng	- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở GD&ĐT Hà Nội, phòng GD&ĐT Hà Đông tổ chức. - Tự nghiên cứu tài liệu, cập nhật các văn bản chỉ đạo kịp thời để nâng cao hiệu quả quản lý. - Tăng cường tự học tiếng Anh qua Internet; qua các trung tâm để nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh. - Hiệu trưởng và các phó hiệu

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
phó hiệu trưởng đăng ký tham gia lớp học nâng chuẩn trình độ Thạc sỹ.			trưởng lập kế hoạch đào tạo cá nhân, phân bổ thời gian hợp lý để đăng ký tham gia học lớp nâng chuẩn trình độ Thạc sỹ, không để ảnh hưởng đến công việc quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường khó khăn ít nhất đạt 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo được duy trì, ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên, trong đó 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với những trường thuộc vùng khó khăn.
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%; đối với các trường khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên

đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với các trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có 36 giáo viên, đủ số lượng giáo viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 19/2023/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Hiện tại, nhà trường có tổng số 36 giáo viên/16 nhóm lớp, bình quân 2,25 giáo viên/lớp [H1-1.6-02]. Cụ thể: có 05 giáo viên/2 nhóm trẻ, đạt tỷ lệ 2,5 giáo viên/nhóm; khối mẫu giáo bé 09 giáo viên/4 lớp, đạt tỷ lệ 2,25 giáo viên/lớp; khối mẫu giáo nhỡ 11 giáo viên/5 lớp, đạt tỷ lệ 2,2 giáo viên/lớp; khối mẫu giáo lớn 11 giáo viên/5 lớp - đạt tỷ lệ 2,2 giáo viên/lớp [H1-1.7-04].

Hiện nay nhà trường có 36/36 chiếm tỷ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 35/36 chiếm tỷ lệ 97.2% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Năm học 2024-2025, có 01 đồng chí giáo viên đang học tập nâng chuẩn trình độ đào tạo lên Đại học sư phạm chuyên ngành giáo dục Mầm non (theo mục 3 điều 72 luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) [H1-1.6-02]; [H2-2.2-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện TĐG và đánh giá giáo viên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN, việc đánh giá diễn ra theo đúng quy trình, quy định từ cá nhân tự nhận đánh giá đến tập thể nhận xét và BGH đánh giá có biên bản lưu trữ đầy đủ; kết quả xếp loại bình quân từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

100% giáo viên có trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn. Để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn được duy trì ổn định và tăng dần phù hợp với kế hoạch phát triển của nhà trường cụ thể: năm học 2019-2020 theo Luật Giáo dục Hợp nhất năm 2015 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 100% trong đó trên chuẩn đạt 77,7%; năm học 2020-2021 đạt 77,7%; năm học 2021-2022 đạt 77,7%; năm học 2022-2023 đạt 97.2%, năm học 2023-2024 trình độ giáo viên trên chuẩn 35/36 đạt 97,2 % [H2-2.2-01].

Từ năm học 2019-2020 nhà trường thực hiện đánh giá giáo viên theo

Chuẩn Nghề nghiệp GVMN theo chu kỳ đánh giá 2 năm 1 lần theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại từ mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Từ năm học 2019-2020 đến nay nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.6-02]; [H2-2.2-02].

Mức 3:

100% giáo viên của nhà trường có trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 35/36 giáo viên, đạt tỷ lệ 97,2%. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình. [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp, trong đó, tỷ lệ giáo viên đạt mức tốt bình quân là 21% [H2-2.2-02]. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên đạt mức tốt của các năm 2019-2020, 2020-2021 còn thấp.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có số lượng đội ngũ giáo viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo, trong đó 97,2 % giáo viên có trình độ trên chuẩn.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ giáo viên đạt mức tốt của các năm 2019-2020, 2020-2021 còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Duy trì ổn định và nâng cao tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn lên 100%.	Năm học 2024-2025	Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo.	- Tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho 01 giáo viên tham gia hoàn thành các khóa học để nâng cao trình độ trên chuẩn.
- Nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt mức tốt theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.	BGH, giáo viên	- Tăng cường tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. - Mời chuyên gia hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng cho đội ngũ giáo viên. - Khuyến khích, động viên đội ngũ giáo viên không ngừng

			học tập, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, phát huy hết khả năng của bản thân.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có 01 nhân viên nuôi dưỡng có bằng trung cấp chuyên ngành văn thư lưu trữ được phân công kiêm nhiệm công tác văn thư; 01 đồng chí nhân viên nuôi dưỡng có bằng trung cấp y sĩ đa khoa được phân công kiêm nhiệm công tác y tế học đường [H1-1.6-02]; [H2-2.3-01].

100% nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của bản thân như: Nhân viên nuôi dưỡng thực hiện nhiệm vụ chế biến món ăn cho trẻ; có một nhân viên nuôi dưỡng có bằng trung cấp y sĩ đa khoa được phân công kiêm nhiệm công tác y tế học đường thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe trẻ, đảm bảo VSATTP, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, PCTNTT; nhân viên nuôi dưỡng có bằng trung cấp chuyên ngành văn thư lưu trữ được phân công kiêm nhiệm công tác văn thư; nhân viên kế toán thực hiện các nhiệm vụ về công tác tài chính, thu chi, thực

hiện chế độ chính sách của CBGVNV, học sinh; nhân viên bảo vệ trực thay ca bảo vệ ngày và đêm tại khu trung tâm và điểm trường [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

100% nhân viên của nhà trường đều nhiệt tình trong công việc và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá hằng tháng 100% đội ngũ nhân viên đều xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

Nhà trường hiện có 14 nhân viên, đảm bảo đủ theo quy định tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT gồm: 01 nhân viên kế toán, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ và 10 nhân viên nuôi dưỡng, trong đó 01 nhân viên nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác văn thư và thủ quỹ, 01 nhân viên nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác y tế học đường [H1-1.6-02]; [H1-1.7-04]; [H2-2.3-01].

Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2029 đến năm 2034, các đồng chí nhân viên luôn có ý thức trách nhiệm trong công việc được giao, không có nhân viên nào bị vi phạm kỷ luật. 100% nhân viên chấp hành và hoàn thành các công việc được giao [H2-2.3-02].

Mức 3:

100% nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm cụ thể như sau: 05 nhân viên nuôi dưỡng có bằng trung cấp chuyên ngành nấu ăn, 05 nhân viên nuôi dưỡng có bằng cao đẳng chuyên ngành nấu ăn; nhân viên kế toán có trình độ Đại học chuyên ngành kế toán; nhân viên nuôi dưỡng kiêm nhiệm văn thư có bằng tin học và trung cấp văn thư lưu trữ; nhân viên nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác y tế học đường có bằng trung cấp y sĩ đa khoa [H1-1.6-02]; [H2-2.3-01]. Tuy nhiên, tỷ lệ nhân viên nuôi dưỡng có trình độ trên chuẩn còn thấp.

100% nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng vị trí việc làm cụ thể như: Nhân viên nuôi dưỡng được tham dự các chuyên đề chế biến món ăn, VSATTP, PCCC; nhân viên kế toán được tập huấn sử dụng các phần mềm quản lý thu, chi, nhân viên y tế được tập huấn công tác y tế trường học, đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh; nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ bảo vệ,...[H2-2.3-02]; [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh:

100% đội ngũ nhân viên trong nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Trong 05 liên tục tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên nào bị kỷ luật.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ nhân viên nuôi dưỡng có trình độ trên chuẩn còn thấp. Đội ngũ nhân viên còn kiêm nhiệm nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Nâng cao tỷ lệ nhân viên trên chuẩn về trình độ đào tạo	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Hiệu trưởng, Nhân viên	- Rà soát đội ngũ, tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên nuôi dưỡng tham gia hoàn thành các khóa học để nâng cao trình độ trên chuẩn. - Giới thiệu một số trường đào tạo chuyên ngành có chất lượng cao để nhân viên lựa chọn.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn về nhân sự.		Hiệu trưởng	- Xây dựng kế hoạch nhân sự phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của nhà trường. - Dự báo nhu cầu nhân sự trong các năm tiếp theo và chuẩn bị nguồn lực từ sớm. - Đề xuất cơ quan cấp trên bổ sung chỉ tiêu tuyển dụng để đảm bảo đủ nhân lực.
- Hỗ trợ và động viên nhân viên kiêm nhiệm:		Hiệu trưởng	- Có cơ chế động viên, khen thưởng, phụ cấp cho những nhân viên kiêm nhiệm hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về tiêu chuẩn 02

Nhà trường có đội ngũ CBGVNV có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực và

chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ CBGVNV có đầy đủ văn bằng, chứng chỉ theo quy định. BGH có thâm niên lâu năm trong ngành, nhiệt tình và năng động trong quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. Đội ngũ GVNV đủ về số lượng, luôn tâm huyết với nghề, tích cực tự học tập, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên tham gia vào các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn. Nội bộ nhà trường đoàn kết, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có CBGVNV vi phạm bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho CBGVNV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh những điểm mạnh, nhà trường còn một số tồn tại như: Khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh của các đồng chí BGH còn hạn chế. Trình độ đào tạo trên chuẩn của nhân viên tỷ lệ còn thấp.

*** Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3. Tỷ lệ 0%

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3. Tỷ lệ 100%

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/3. Tỷ lệ 67%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 01/3. Tỷ lệ 33%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Mầm non Hà Trì có tổng diện tích đất là 2.262,2m², diện tích sàn sử dụng 4.846,6m² được quy hoạch gọn gàng, có khuôn viên riêng biệt, có tường bao, cổng trường, biển trường, đảm bảo đáp ứng môi trường xanh sạch đẹp, an toàn. Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ đáp ứng các yêu cầu đối với công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường có đủ phòng học các phòng chức năng, bếp ăn, các phòng làm việc của BGH, phòng nhân viên và các công trình phụ trợ (nhà xe, nhà vệ sinh). Tất cả các phòng đều đảm bảo cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường. Hệ thống ĐDDC ngoài trời và trong lớp được trang bị đầy đủ, đảm bảo đúng các quy định liên quan đến tiêu chuẩn ĐDDC, thiết bị dạy học dùng cho GDMN của Bộ GD&ĐT.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối

thiếu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Mầm non Hà Trì có tổng diện tích sàn sử dụng là 4.846,6m²/480 trẻ. Trong đó: khu trung tâm là 3.175,1m²; điểm trường là 1.671.5m²; diện tích mặt sàn xây dựng đạt bình quân 10m²/trẻ, đáp ứng yêu cầu về diện tích tối thiểu/trẻ được quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT [H3-3.1-01].

Cả khu trung tâm và điểm trường đều có khuôn viên riêng biệt, đủ hệ thống hàng rào và tường bao quanh, có cổng trường, biển tên trường theo đúng quy định. Khuôn viên trường đảm bảo vệ sinh, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Sân chơi của nhà trường đều có hệ thống cây xanh được cắt tỉa đẹp, sắp xếp hài hòa tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, được quy hoạch thiết kế phù hợp với trẻ mầm non. Sân trường có một số cây to, tạo bóng mát cho trẻ hoạt động như cây nhãn, cây phượng, cây xoài, cây dừa, cây hoa Osaka,...Hiên chơi của các nhóm, lớp được nhà trường bố trí các góc chơi như không gian sáng tạo, khu phát triển vận động phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động [H3-3.1-04]; [H1-1.6-16].

Mức 2:

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn của nhà trường đảm bảo theo mục 4.2.3 tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Diện tích xây dựng công trình là $1.002,2\text{m}^2/2.262,2\text{ m}^2$ với 02 nguyên đơn 03 tầng được xây dựng kiên cố, bố trí gọn gàng hợp lý tỷ lệ 44%; diện tích sân vườn, cây xanh là $1.260\text{m}^2/2.262,2\text{m}^2$ tỷ lệ 56% [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Trường có khuôn viên riêng biệt, đủ hệ thống hàng rào và tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài, có khu vực sân chơi riêng của các nhóm, lớp. Sân trường và xung quanh hàng rào khu trung tâm và điểm trường được trồng nhiều cây xanh, cây hoa, cây cảnh. Nhà trường có kế hoạch thực hiện thường xuyên việc chăm sóc, cắt tỉa để tạo bóng mát, không gian xanh, sạch, đẹp. Tại mỗi nhóm, lớp đều có góc thiên nhiên với nhiều loại cây. Bên cạnh đó, nhà trường đã tận dụng lối ra sân thượng của điểm trường để làm vườn rau. Hiên hè của mỗi tầng đều bố trí góc khám phá thiên nhiên với các loại cây xanh, vườn rau phù hợp để cho trẻ khám phá, học tập và tập chăm sóc [H1-1.6-16]; [H3-3.1-04].

Toàn bộ khu vực sân trường ở khu trung tâm và điểm trường đều được lát gạch đỏ, gạch chống trơn, trải cỏ nhân tạo và có đầy đủ số lượng đồ chơi ngoài trời phục vụ cho hoạt động vui chơi của trẻ. Hiện tại nhà trường có tổng số trên 10 loại đồ chơi ngoài trời với nhiều chủng loại khác nhau như: đu quay mâm tròn, leo núi, xích đu rồng, cầu trượt đa năng, cầu trượt đơn, cầu trượt đôi, hầm chui, thú nhún,...[H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]. Tuy nhiên, một số ĐDDC ngoài trời đã sử dụng lâu năm nên hạn chế về tính thẩm mỹ và một số đồ dùng được mua bổ sung mới hằng năm nên các ĐDDC chưa mang tính đồng bộ, hiện đại.

Mức 3:

Nhà trường có khu hoạt động giáo dục thể chất ngoài trời, sảnh hè, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GDĐT ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ như: Vòng thể dục, ghế thể dục, thang leo, hầm chui, leo núi, cát sỏi, dụng cụ tập Gym,...đáp ứng được nhu cầu thực hiện các hoạt động PTVĐ của trẻ. Các ĐDDC được bố trí sắp xếp phù hợp, khoa học, thuận tiện cho hoạt động vui chơi của trẻ; đảm bảo theo đúng quy định về tiêu chuẩn ĐDDC - thiết bị dạy học của Bộ GDĐT [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có diện tích sử dụng đạt bình quân $10\text{m}^2/\text{trẻ}$, đáp ứng yêu cầu về diện tích tối thiểu/trẻ được quy định Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT. Cả khu trung tâm và điểm trường đều có cổng trường, biển tên trường đúng quy

định. Sân trường được bố trí nhiều đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, có hệ thống cây xanh tạo bóng mát, đảm bảo vệ sinh, an toàn và thân thiện với trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số ĐDDC ngoài trời đã sử dụng lâu năm nên tính thẩm mỹ hạn chế, một số đồ dùng được mua bổ sung mới hằng năm nên các ĐDDC chưa mang tính đồng bộ, hiện đại.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Đánh giá và lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm bổ sung, thay thế những đồ chơi đã cũ, hỏng hoặc không còn đảm bảo an toàn.	Tháng 02/2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng; PHT phụ trách CSVC; Tổ mua sắm tài sản, CSVC của nhà trường.	- Tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng, tính thẩm mỹ, độ an toàn của các ĐDDC ngoài trời. - Xây dựng kế hoạch sửa chữa, tái chế hoặc chuyển đổi công năng của ĐDDC còn sử dụng được để tạo sự mới mẻ. Sắp xếp quy hoạch khu vui chơi, hệ thống ĐDDC để đảm bảo tính thẩm mỹ. - Xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn, phân bổ ngân sách một cách hợp lý để mau sắm thay thế dần các ĐDDC đã cũ bằng các thiết bị mới, hiện tại và an toàn hơn. - Xây dựng kế hoạch phân công nhân viên kiểm tra định kỳ việc chăm sóc cây xanh trong nhà trường cũng như bảo dưỡng duy trì ĐDDC ngoài trời theo lịch trình.
- Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa trong việc xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ học tập, vui chơi, trải nghiệm.			- Tăng cường tham mưu với UBND quận Hà Đông, UBND phường Hà Cầu và CMHS để xin đầu tư CSVC cho nhà trường để nâng cao chất lượng CSGD trẻ. - Huy động, khuyến khích phụ huynh, cộng đồng và các tổ chức xã hội tham gia vào quá trình nâng cấp CSVC của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	c	Đạt	...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 16 phòng học, trong đó có 14 phòng học cho 14 lớp mẫu giáo bao gồm: 05 phòng thuộc lứa tuổi mẫu giáo lớn 5-6 tuổi, 05 phòng thuộc lứa tuổi mẫu giáo nhỡ 4-5 tuổi; 04 phòng thuộc lứa tuổi mẫu giáo bé 3-4 tuổi [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

Nhà trường có đầy đủ các phòng sinh hoạt chung và phòng sinh hoạt chung chính là phòng cho trẻ ngủ. Các phòng đều đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát, nền lát gạch và sàn gỗ, có hệ thống chiếu sáng học đường. 100% nhóm lớp có đủ bàn ghế, tủ để ĐDDC, tài liệu cho giáo viên và trẻ, tất cả đều đảm bảo đúng quy cách. Môi trường trong lớp học được thiết kế, xây dựng theo tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm, các cửa sổ có trồng cây xanh, có tranh, ảnh trang

trí đẹp, phù hợp với độ tuổi, có đồ dùng đồ chơi, học liệu, thiết bị phục vụ giờ ăn, hoạt động học và các hoạt động khác của trẻ trong ngày theo quy định. Nhà trường có 02 phòng đa chức năng ở khu trung tâm và điểm trường, cả 02 phòng đều có đầy đủ các đồ dùng, thiết bị cho trẻ tham gia hoạt động PTVĐ và nghệ thuật như: Cột bóng rổ, gương múa, gióng múa, tivi, loa đài, trang phục và các đạo cụ biểu diễn đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Các phòng có hệ thống đèn chiếu sáng học đường, hệ thống quạt trần đảm bảo cho mỗi nhóm, lớp. Đặc biệt, 100% nhóm, lớp và các phòng chức năng đã được lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, đảm bảo mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 100% nhóm lớp được lát sàn gỗ, có đủ tủ để hồ sơ, thiết bị dạy học như: bàn ghế, tủ để ĐDDC, tài liệu cho giáo viên và trẻ, tất cả đều đảm bảo đúng quy cách [H3-3.2-02].

Mức 2:

Trường Mầm non Hà Trì có 16 lớp học, mỗi lớp có 01 phòng vừa là phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng tổ chức ăn, ngủ cho trẻ. Diện tích các phòng học của khu trung tâm là 531,5m²; điểm trường là 466,5m². Tổng diện tích phòng học của 2 khu là 998m²/16 nhóm, lớp (bình quân 62m²/phòng). Diện tích phòng học bình quân trên trẻ là 2,07m² (998m²/480 trẻ) đáp ứng theo quy định tại mục 5.2.5 yêu cầu thiết kế trường mầm non, tiêu chuẩn Quốc gia (1,5 - 1.8m²/trẻ) [H3-3.2-01]. Nhà trường có 02 phòng đa chức năng ở khu trung tâm và điểm trường với tổng diện tích 126m², đảm bảo đạt chuẩn theo quy định và được trang bị đầy đủ các đồ dùng, thiết bị cần thiết như: bàn ghế, vòng thể dục, ghế thể dục, cổng chui, gương, gióng múa, tủ đựng trang phục, đàn phím điện tử, hệ thống âm ly, loa đài và các loại nhạc cụ để phục vụ cho hoạt động PTVĐ và phát triển thẩm mỹ cho trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường đã cải tạo hệ thống sảnh tầng 2 làm khu giáo dục thể chất, sảnh tầng 3 làm khu giáo dục nghệ thuật, với diện tích đạt 65m²/khu. Cả hai khu đều được lắp đặt hệ thống thiết bị, đồ dùng phù hợp, khoa học, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, phát triển thẩm mỹ và đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

16 nhóm, lớp trong nhà trường có đầy đủ tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ như: hệ thống tủ, kệ, giá đựng ĐDDC tài liệu; hệ thống đèn, hệ thống quạt; có đầy đủ chiếu, chăn, gối, quạt và hệ thống tủ, kệ, giá đựng các đồ dùng của trẻ được sắp xếp hợp lý tại từng khu vực cho trẻ hoạt động, đảm bảo an toàn và thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, âm nhạc và tin học [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Diện tích bình quân đạt $2,07m^2$ (chuẩn $1,5-1,8m^2/trẻ$); Cải tạo khu vực sảnh tầng 2 làm phòng giáo dục thể chất, sảnh tầng 3 làm phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích $65m^2$, đáp ứng môi trường tối ưu để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, phát triển thẩm mỹ và đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng ĐDDC, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, âm nhạc và tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Đề xuất xin cải tạo, nâng tầng 3 tại điểm trường để bố trí, sắp xếp phòng ngoại ngữ, âm nhạc, tin học và mua sắm đồ dùng, thiết bị tối thiểu để đảm bảo tổ chức hoạt động cho trẻ.	Tháng 6/2025 và các năm tiếp theo.	Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Tổ mua sắm, sửa chữa CSVC	-Tham mưu với UBND phường Hà Cầu và UBND quận Hà Đông xin nâng tầng 3 tại điểm trường khu B để cải tạo thành phòng ngoại ngữ, âm nhạc và tin học cho trẻ hoạt động. - Xây dựng kế hoạch mua sắm đồ dùng, trang thiết bị đảm bảo tối thiểu cho các phòng để tổ chức hoạt động cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại phòng thuộc khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020. Nhà trường có 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng; 01 văn phòng trường cũng là phòng đa chức năng; 01 phòng hành chính quản trị; 01 phòng y tế; 01 phòng bảo vệ; 02 phòng dành cho nhân viên; có 02 nhà vệ sinh dành cho CBGVNV; 02 khu để xe cho CBGVNV đảm bảo theo quy định [H3-3.3-01].

100% các phòng thuộc khối phòng hành chính - quản trị đều có đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu: phòng Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có đầy đủ phương tiện làm việc như máy tính kết nối internet, máy in, tủ lưu trữ hồ sơ và bàn ghế tiếp khách; văn phòng trường có đầy đủ các bàn ghế, tủ văn phòng, hệ thống bảng biểu; phòng hành chính quản trị được trang bị máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, hệ thống tủ lưu trữ hồ sơ, bảng biểu và các phương tiện làm việc khác; phòng y tế được trang bị đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ theo đúng các quy định của y tế học đường như: giường y tế, tủ thuốc, cân sức khỏe, tranh ảnh tuyên truyền về công tác chăm sóc sức khỏe phòng bệnh cho trẻ cũng như các bảng biểu tuyên truyền về các biện pháp tích cực trong can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì; phòng bảo vệ được trang bị đầy đủ các đồ dùng như: đồng hồ, giường ngủ, bảng công tác, sổ theo dõi khách ra vào trong trường. Nhà trường có phòng dành cho nhân viên được trang bị đầy đủ tủ để đồ dùng cá nhân cho nhân viên [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

Khu để xe cho CBGVNV được bố trí hợp lý tại khu trung tâm và điểm trường. Cả hai khu đều có mái che, có camera an ninh đảm bảo an toàn [H3-3.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có các khối phòng hành chính quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định: phòng làm việc của Hiệu trưởng diện tích 29,7m², 02 phòng làm việc của Phó hiệu trưởng ở điểm trường và khu trung tâm có tổng diện tích là 40m². Trong phòng có đầy đủ phương tiện làm việc như máy tính kết nối Internet, máy in, biểu bảng, tủ lưu trữ hồ sơ và bàn ghế tiếp khách; phòng y tế có diện tích 15m²; phòng hành chính quản trị ở khu trung tâm có diện tích 17,5m² và văn phòng nhà trường 55m² được trang bị đầy đủ bàn ghế, hệ thống tủ lưu trữ hồ sơ, các bảng biểu và các phương tiện làm việc khác; 2 phòng nhân viên 22m²; phòng bảo vệ có diện tích 6m²; 02 nhà xe đáp ứng nhu cầu để xe cho CBGVNV, có mái che với tổng diện tích 58m² [H3-3.3-01]; [H3-3.2-02].

Khu để xe cho CBGVNV được lợp mái tôn, mái nhựa thông minh đảm bảo an toàn, được bố trí gần cổng ra vào nên rất tiện lợi [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng: văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên đảm bảo theo tiêu chuẩn về yêu cầu thiết kế trường mầm non theo tiêu chuẩn quốc gia tại mục 5.5.1 TCNV 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.3-01]. Tuy nhiên, tại điểm trường, nhà trường không có phòng y tế; phòng nhân viên và bảo vệ sử dụng chung.

2. Điểm mạnh:

Tại khu trung tâm nhà trường có đầy đủ các phòng chức năng theo đúng quy định như: phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nhân viên, khu để xe cho CBGVNV. Tất cả các phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, được bố trí phù hợp, hài hòa thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Tại điểm trường, nhà trường không có phòng y tế; phòng nhân viên và bảo vệ sử dụng chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Cải tạo, sửa chữa để có đủ các phòng tại khu trung tâm và điểm	Hàng tháng	Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng;	- Rà soát lựa chọn vị trí phù hợp, huy động nguồn lực, phân bổ nguồn ngân sách và làm tờ

trường. - Xây dựng tủ thuốc y tế tại điểm trường với đầy đủ cơ sở thuốc theo quy định. - Duy trì việc sử dụng hiệu quả các phòng chức năng, tăng cường bảo quản CSVC hiện có.		nhân viên y tế; tổ mua sắm, sửa chữa CSVC	trình đề xuất xin cải tạo phòng bảo vệ, y tế tại điểm trường. - Hướng dẫn nhân viên y tế xây dựng kế hoạch và hoạt động hợp lý, đồng bộ giữa khu trung tâm và điểm trường để kịp thời chăm sóc sức khỏe cho trẻ. -Thực hiện nghiêm túc kế hoạch mua sắm, sửa chữa CSVC. Tiến hành kiểm kê tài sản để kịp thời thanh lý các tài sản đã hết hạn sử dụng và bổ sung thêm thiết bị mới cho các phòng hành chính quản trị.
---	--	---	---

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 02 bếp ăn: Bếp ăn khu trung tâm được đặt tại tầng 3, bếp ăn điểm trường đặt tại tầng 1. Cả 02 bếp ăn được xây dựng kiên cố đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.4-01].

Cả hai bếp ăn của nhà trường đều có kho để lương thực, thực phẩm riêng của cô và của trẻ. Các loại thực phẩm được phân chia trong từng ngăn tủ có dán nhãn mác tên thực phẩm riêng biệt được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ thuận tiện cho việc nhập, xuất kho cũng như đảm bảo VSATTP [H3-3.4-02].

Nhà trường có 02 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, 01 tủ lạnh đặt tại bếp ăn bán trú của khu trung tâm; 01 tủ lạnh đặt tại điểm trường. Cả 02 tủ đều có chia ngăn lưu thực phẩm sống, thực phẩm chín, đảm bảo vệ sinh ATTP [H3-3.4-03].

Mức 2:

Nhà trường có 02 bếp ăn với tổng diện tích 144m², đạt 0.3m²/trẻ. Diện tích bếp ăn tại khu trung tâm là 86m², diện tích bếp ăn tại điểm lẻ là 58m². Bếp ăn được xây dựng và vận hành theo quy trình một chiều, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT gồm: khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn; có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường. Thiết bị, đồ dùng dụng cụ nhà bếp 100% bằng inox, đảm bảo VSATTP như: Tủ cơm, tủ sấy bát, máy thái củ quả, xoong nồi, bát thìa inox, dao, thớt, khay inox, giá và bàn chia thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn của trẻ [H1-1.10-03]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-03]. Tuy nhiên, bếp ăn của nhà trường chưa có các thiết bị hiện đại như máy sục ozone thực phẩm, máy kiểm thực phẩm sạch.

Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường được thiết kế xây dựng theo đúng quy định và đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế Trường mầm non tại khoản 5.4, mục 5, của quy chuẩn TCVN 3907:2011. Bếp hoạt động theo nguyên tắc một chiều, có đủ các khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được sắp xếp, bố trí khoa học, hợp lý. Khu sơ chế, chế biến thực phẩm, thông thoáng, đủ ánh sáng, sắp xếp gọn gàng ngăn cách với các khu nấu ăn và khu chia thức ăn, có hệ thống thang tời thức ăn tới các nhóm lớp và được lắp đặt hệ thống lưới chắn côn trùng. Nguồn nước được sử dụng trong bếp ăn được nhà máy nước sạch Hà Đông cung cấp. Hằng năm, nhà trường đều tiến hành lấy mẫu và xét nghiệm nước tại các cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo nguồn nước sử dụng đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định [H3-3.4-01]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc phân loại, thu gom rác thải hàng ngày, rác thải được xử lý đúng quy định, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.

2. Điểm mạnh:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và vận hành theo quy trình bếp ăn một chiều với 100% đồ dùng, thiết bị bằng inox, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, có hệ thống cung cấp nước sạch.

3. Điểm yếu:

Bếp ăn của nhà trường chưa có các thiết bị hiện đại như máy sục ozone thực phẩm, máy kiểm thực phẩm sạch

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Mua sắm, bổ sung đồ dùng, thiết bị hiện đại cho bếp ăn bán trú.	Học kỳ 2 năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách CSVC, tổ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CSVC	- Tham mưu đề xuất với UBND quận, phòng TC- KH Quận hỗ trợ bổ sung kinh phí để bổ sung mua sắm trang thiết bị nhà bếp được đồng bộ, hiện đại hơn. - Phân bổ ngân sách hợp lý, mua sắm bổ sung các thiết bị hiện đại như máy sục ozone, máy kiểm thực phẩm để kiểm tra độc tố tồn dư của các loại thực phẩm nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào an toàn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
- Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
- Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường đã trang bị cho 100% các nhóm, lớp đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Các thiết bị, ĐDDC được sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.2-02].

Ngoài các thiết bị, ĐDDC theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non được cấp phát, nhà trường đã đầu tư thêm cho 16 nhóm, lớp ĐDDC phát triển kỹ năng ứng dụng phương pháp Montessori, STEAM để đáp ứng chương trình phát triển riêng của cấp học mầm non quận Hà Đông có tính bền vững và an toàn [H3-3.2-02]; [H3-3.5-01]. Tuy nhiên, số lượng ĐDDC tự làm để giúp trẻ phát triển kỹ năng tự phục vụ còn hạn chế, một số đồ dùng có độ bền chưa cao.

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm kê tài sản và các trang thiết bị để lập phương án sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp các thiết bị ĐDDC phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.6-15]. Những ĐDDC không còn sử dụng được, nhà trường rà soát, tiến hành thanh lý hoặc hủy theo đúng quy định [H3-3.5-02].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-03].

16 nhóm, lớp trong nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT danh mục ĐDDC thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.2-02].

Hàng năm, căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm, nhà trường mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học tối thiểu và thiết bị ĐDDC phục vụ cho hoạt động CSGD trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực từ các tổ chức cá nhân trên địa bàn đầu tư, tài trợ, ủng hộ đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác CSGD trẻ. Ngoài ra, thông qua các hội thi, hội giảng, chuyên đề nhà trường phát động các phong trào làm ĐDDC tự tạo, từ đó tăng số lượng, chủng loại của trang thiết bị trong các nhóm, lớp, tạo điều kiện

để trẻ được vui chơi và học tập tốt nhất [H3-3.5-04].

Mức 3:

Các thiết bị, ĐDDC tự làm và các loại ĐDDC ngoài danh mục được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh:

100% các nhóm, lớp của nhà trường được đầu tư hệ thống thiết bị, ĐDDC trong và ngoài danh mục. Ngoài ra nhà trường tích cực tổ chức các phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo, nhằm tăng số lượng, chủng loại của trang thiết bị trong các nhóm, lớp, tạo điều kiện để trẻ được vui chơi và học tập, khám phá trải nghiệm.

3. Điểm yếu:

Số lượng ĐDDC tự làm để giúp trẻ phát triển kỹ năng tự phục vụ còn hạn chế, một số đồ dùng có độ bền chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Thực hiện tốt kế hoạch bảo quản các thiết bị đồ dùng được trang cấp. Tiếp tục bổ sung đồ dùng hiện đại ngoài danh mục.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và giáo viên.	- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch bảo quản trang thiết bị hằng năm, thường xuyên rà soát, có kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa đảm bảo đầy đủ thiết bị, an toàn trong quá trình sử dụng. - Nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính cho mua sắm CSVC, cân đối nguồn tài chính từ nguồn học phí, nguồn ngân sách; đồng thời tham mưu với UBND quận, phòng tài chính quận đầu tư trang bị ĐDDC hiện đại, ngoài danh mục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. - Phát động các phong trào,

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			hội thi làm ĐDDC sáng tạo cho giáo viên. Ban giám khảo đề cao tính thẩm mỹ, tính ứng dụng, độ bền của các ĐDDC . - Tổ chức hội thi giáo viên giỏi, hội giảng,...có tiêu chí sử dụng đồ dùng tự làm hiệu quả nhằm phát triển số lượng và chất lượng các loại ĐDDC tự tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	c	Đạt	...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 16 nhà vệ sinh cho 16 nhóm, lớp. Các nhà vệ sinh của trẻ đều được thiết kế khép kín, đảm bảo thuận tiện khi sử dụng, không ô nhiễm môi trường. Nhà trường không có trẻ khuyết tật nên không có nhà vệ sinh thiết kế riêng cho trẻ khuyết tật. Nhà trường có 02 nhà vệ sinh cho CBGVNV, tuy nhiên, nhà vệ sinh cho giáo viên ở khu trung tâm có diện tích nhỏ, hẹp [H3-3.6-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch cho sinh hoạt hàng ngày của Công ty cấp nước Hà Đông, đảm bảo cung cấp đầy đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Định kỳ hằng năm nhà trường tiến hành thau bể, gửi mẫu nước để kiểm tra chất lượng nguồn nước và đạt tiêu chuẩn vệ sinh ăn uống theo quy định. Hệ thống cống rãnh thoát nước của nhà trường đi ngầm hợp vệ sinh [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Hằng năm, nhà trường đều ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Hà Nội, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học theo quy định [H3-3.6-04].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung. Diện tích bình quân trên trẻ đạt 0,44m². Chỗ đi vệ sinh của trẻ nam, trẻ nữ được ngăn cách và có ký hiệu riêng. Trong nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị như vòi nước rửa tay, bồn cầu, tiểu nam, vòi xịt, máng rửa tay [H3-3.6-01].

Thực hiện theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, trường Mầm non Hà Trì sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước quận Hà Đông bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2009/BYT); nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT); có hệ thống lọc nước riêng phục vụ bếp ăn bán trú [H3-3.4-01]; [H3-3.6-03]. Hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt của nhà trường được đi ngầm, thông tắc định kỳ không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp. Rác thải được phân loại để ở các thùng có nắp đậy, tập trung ở khu vực riêng xa lớp học, bếp ăn và được thu gom hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. Nhà trường hợp đồng với Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Hà Nội là cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt, bảo đảm theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 07:2010/BYT) [H3-3.1-01]; [H3-3.6-04].

2. Điểm mạnh:

Phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo diện tích và khu vệ sinh cho cán bộ quản

lý, giáo viên, nhân viên xây dựng phù hợp với cảnh quan không ô nhiễm môi trường. Nhà trường sử dụng nguồn nước của công ty cấp nước Hà Đông đảm bảo theo tiêu chuẩn, có hệ thống lọc nước riêng phục vụ bếp ăn bán trú; hệ thống thoát nước được thông theo định kỳ, thu gom và xử lý chất thải ký hợp đồng với công ty cổ phần tập đoàn Nam Hà Nội đáp ứng theo quy định.

3. Điểm yếu:

Nhà vệ sinh cho CBGVNV ở khu trung tâm có diện tích nhỏ, hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Cải tạo nhà vệ sinh cho CBGVNV theo hướng tối ưu hóa không gian và cải thiện tiện nghi, tạo cảm giác thoải mái khi sử dụng và đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.	- Hè 2025	- BGH; kế toán.	- Cân đối nguồn ngân sách hợp lý, xây dựng kế hoạch cải tạo sửa chữa, sử dụng thay thế các thiết bị có thiết kế nhỏ, gọn để tiết kiệm không gian. - Lắp đặt hệ thống quạt hút mùi, thông gió tạo sự thông thoáng và đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.

b) Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	...	
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nhà trường có khuôn viên đẹp, tương đối rộng rãi, thoáng mát, phù hợp với yêu cầu thiết kế trường mầm non. Công trình được xây dựng kiên cố, có khuôn viên riêng biệt, có nguồn nước sạch, hệ thống cống rãnh đảm bảo vệ sinh. Sân chơi của trẻ được lát gạch chống trơn, trải cỏ nhân tạo và được bố trí ĐD ĐC ngoài trời phong phú, đáp ứng nhu cầu vui chơi và đảm bảo an toàn cho trẻ. Hệ thống các phòng sinh hoạt chung của các nhóm, lớp, các phòng chức năng của nhà trường đảm bảo đủ diện tích và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị

CSVC tương đối đồng bộ, hiện đại. Các công trình phụ trợ đều đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hằng năm, nhà trường có biện pháp tích cực duy trì, kiểm tra, theo dõi việc sử dụng tài sản, thiết bị dạy học cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có. Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp trong việc đầu tư, nâng cấp và mua sắm bổ sung trang thiết bị và đồ dùng dạy học. Giáo viên tích cực làm đồ dùng dạy học sáng tạo, chủ động, sáng tạo trong việc khai thác và sử dụng thiết bị, đồ chơi trong các hoạt động CSNDGD trẻ đạt hiệu quả cao. Bên cạnh những điểm mạnh nhà trường còn một số hạn chế tồn tại cần khắc phục như: Chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học. Số lượng ĐDDC tự làm để giúp trẻ phát triển kỹ năng tự phục vụ còn hạn chế, một số đồ dùng có độ bền chưa cao.

*** Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 6/6. Tỷ lệ 100%.
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/6. Tỷ lệ 0%.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 6/6. Tỷ lệ 100%.
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/6. Tỷ lệ 0%.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/5. Tỷ lệ 60%.
- + Số lượng tiêu chí không đạt 2/5. Tỷ lệ 40%.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong những năm qua trường Mầm non Hà Trì đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, chủ động tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, Ban đại diện CMHS nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ GD. Cụ thể, nhà trường đã chủ động phối hợp với Hội Phụ nữ phường, Đoàn Thanh niên phường, Cấp ủy Chi bộ cơ sở ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực xây dựng nhà trường ngày một phát triển; phối hợp với Ban đại diện CMHS trong việc hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, kiến thức CSNDGD trẻ đến 100% phụ huynh học sinh nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức trong và ngoài nhà trường, các cá nhân, doanh nghiệp trong việc hỗ trợ, bổ sung trang thiết bị, CSVC nhằm xây dựng nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại cũng như phối hợp cùng với nhà

trường tham gia tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của bậc học mầm non.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Mầm non Hà Trì có Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). Hằng năm, vào đầu năm học 100% các nhóm, lớp tổ chức Hội nghị CMHS để bầu ra Ban đại diện CMHS của nhóm, lớp. Ban đại diện CMHS của mỗi lớp có 3 thành viên gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 ủy viên. Nhà trường tiến hành tổ chức Hội nghị Ban đại diện CMHS nhà trường, thành viên là các trưởng ban và phó ban đại diện CMHS của các lớp. Tại Hội nghị Ban đại diện CMHS trường bầu ra Ban thường trực đại diện CMHS gồm có 05 thành viên (01 trưởng ban; 02 phó ban; 02 ủy viên thường trực)[H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch thực hiện năm học của nhà trường. Ban đại diện CMHS trường, Ban đại diện CMHS lớp phối hợp với nhà trường, với giáo viên phụ trách nhóm, lớp xây dựng kế hoạch hoạt động của phụ huynh học sinh phù hợp với thực tế trường lớp, điều kiện của CMHS và có sự điều chỉnh kịp thời đảm bảo đáp ứng các điều kiện khích lệ giáo viên, học sinh giảng dạy và học tập [H4-4.1-03].

Ban đại diện CMHS đã phối hợp cùng nhà trường, giáo viên các nhóm, lớp triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ và có hiệu quả như: Tổ chức “Ngày hội đến trường của bé”, ngày “Tết Trung thu”, ngày “Nhà giáo Việt Nam 20-11”, tổng kết năm học,...phối hợp cùng nhà trường để tổ chức các

hội thi của trẻ như: Hội thi: “*Bé khéo tay*”, “*Bé sáng tạo*”, “*Chúng cháu vui khỏe*”, “*Bé vui đón tết mùa xuân*”, “*Trạng Nguyên Nhí*”, “*Hành trang bé vào lớp một*”, *tết thiếu nhi 1/6, lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi*,... [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS đã phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: phối hợp với nhà trường trong tổ chức các ngày hội ngày lễ cho trẻ; phối hợp trong công tác giao nhận thực phẩm; tham dự một số chuyên đề do nhà trường tổ chức,...[H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]. Bên cạnh đó Ban đại diện CMHS còn phối hợp với nhà trường để hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới 100% CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm CSND, bảo vệ, giáo dục trẻ. Qua việc tham gia các hoạt động tại trường, các bậc phụ huynh đã hiểu hơn về phương pháp, hình thức giáo dục trẻ tại trường giúp công tác phối kết hợp ngày càng đem lại hiệu quả cao hơn [H1-1.2-10]; [H4-4.1-05]

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc giáo dục chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, PCTNTT, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ ở trường, lớp và gia đình. Vận động phụ huynh tự nguyện đóng góp đầy đủ các khoản thu theo qui định của nhà trường, tổ chức tốt ngày hội ngày lễ, hội thi của trẻ; hội thi giáo viên giỏi cấp trường, trang trí lớp, biểu diễn văn nghệ theo kế hoạch của nhà trường. Cùng với nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục nhằm huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị tạo điều kiện nâng cao chất lượng CSGD trẻ cụ thể như: phụ huynh cùng lao động dọn dẹp giúp nhà trường trong các buổi tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ; phụ huynh tham gia giao nhận thực phẩm hàng ngày tại bếp [H4-4.1-05]. Các bậc phụ huynh phối hợp cùng nhà trường thực hiện thu, chi nguồn quỹ CMHS đúng mục đích, đúng nguyên tắc tài chính, không lãng phí đảm bảo theo Thông tư 55/2011/TT- BGDDĐT ngày 22/11/2011. Trong mỗi năm học, nhà trường và các bậc phụ huynh luôn xây dựng mối quan hệ mật thiết, thân thiện giữa nhà trường và các bậc cha mẹ, các tổ chức xã hội để có sự thống nhất về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp [H4-4.1-03]. Tuy nhiên, một số ít phụ huynh do bận công việc nên sự phối kết hợp với giáo viên trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ chưa được thường xuyên và còn hạn chế.

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS của nhà trường được thành lập và hoạt động theo

đúng quy định trong Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS nhiệt tình, chủ động đề xuất với nhà trường những giải pháp cùng tháo gỡ các khó khăn, trăn trở. Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch cụ thể theo năm học, các hoạt động của Ban đại diện CMHS góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường. Các biện pháp phối hợp và nội dung tuyên truyền của nhà trường phong phú, kịp thời, hiệu quả. Hằng năm, Ban đại diện CMHS phối hợp cùng nhà trường thực hiện thu, chi nguồn quỹ CMHS đúng mục đích, đúng nguyên tắc tài chính, không lãng phí đảm bảo theo Thông tư 55/2011/TT- BGDDT ngày 22/11/2011. CMHS đã ủng hộ nhiều ngày công lao động dọn dẹp giúp nhà trường trong các buổi tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ; phụ huynh tham gia giao nhận thực phẩm hằng ngày tại bếp.

3. Điểm yếu:

Tuy nhiên, một số ít phụ huynh do bận công việc nên sự phối kết hợp với giáo viên trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ chưa được thường xuyên và còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Xây dựng mối quan hệ tin cậy, thân thiện và tôn trọng; tăng cường giao tiếp và thông tin hai chiều giữa nhà trường và CMHS.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	CBGVNV và CMHS	- Chỉ đạo giáo viên chủ động thiết lập các kênh thông tin, tuyên truyền linh hoạt như email, sử dụng tin nhắn các ứng dụng: Zalo, Messenger, các nền tảng mạng xã hội, website để giúp phụ huynh dễ dàng tiếp cận thông tin và giao tiếp phản hồi với nhà trường. - Hướng dẫn đội ngũ giáo viên xây dựng mối quan hệ tin cậy và tôn trọng giữa nhà trường và CMHS để tạo sự thoải mái trong giao tiếp, lắng nghe ý kiến và phản hồi từ CMHS để cải thiện các phương pháp phối hợp và giải quyết những khó

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			khẩn mà PHHS gặp phải. - Bồi dưỡng CBGVNV về cách thức giao tiếp hiệu quả và phối hợp với CMHS.
- Tăng cường các hoạt động thu hút sự tham gia lớn của đa số CMHS	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	CBGVNV	- Tổ chức các buổi giao lưu, hội thảo, các hoạt động ngoài giờ để CMHS có cơ hội gặp gỡ, trao đổi và hiểu hơn về công việc của nhà trường. - Tổ chức các cuộc họp trực tuyến vào các thời điểm linh hoạt để CMHS có thể thu xếp công việc thuận tiện tham gia

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường

thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

BGH nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để có chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng CSND, giáo dục trẻ như: Tham mưu về trong công tác phân tuyến tuyển sinh giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh; tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục nhằm huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp; công tác quản lý các cơ sở mầm non tư thục thuộc địa bàn được phân công phụ trách,... [H4-4.2-01].

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng các hình thức khác nhau như: Tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, tuyên truyền trên trang website, trang Fanpage của trường, qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ [H1-1.1-01]; [H4-4.2-02].

Nhà trường tích cực tham mưu và phối kết hợp chặt chẽ có hiệu quả với các đơn vị, các tổ chức đoàn thể, cấp ủy chính quyền cơ sở, phụ huynh học sinh, địa phương nhằm huy động nguồn lực đầu tư CSVC cải tạo xây dựng nhà trường. Năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng-HĐND-UBND phường Hà Cầu xây dựng cải tạo hệ thống sân trường, nhà xe, các lớp học tầng 3 và một số phòng chức năng tại khu trung tâm [H4-4.2-01]. Năm học 2019-2020, nhà trường được UBND phường giao cho mượn và sử dụng sân chơi, vườn hoa có vị trí nằm cạnh cổng trường [H3-3.1-01]. Hằng năm, nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục từ phía phụ huynh và các đơn vị tổ chức khác như: phụ huynh các lớp ủng hộ các nguyên vật liệu để giáo viên làm ĐDDC phục vụ việc dạy và học của cô và trò, ủng hộ các loại cây xanh để trồng trong các hành lang lớp và khuôn viên nhà trường, ủng hộ ngày công để cải tạo vườn cây cho trẻ được khám phá, trải nghiệm.

Mức 2:

Cấp ủy, BGH nhà trường tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng,

chiến lược xây dựng và phát triển trong những năm tới phần đầu có 50% CBGVNV là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; 100% giáo viên đạt trình độ Đại học; nhà trường giữ vững trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và công nhận lại trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, môi trường trong và ngoài lớp học an toàn, đảm bảo tiêu chí xanh - sạch - đẹp [H1-1.1-01] [H4-4.2-01].

Các hoạt động lễ hội, biểu diễn văn nghệ, tổ chức sự kiện được nhà trường phối hợp với ban Văn hóa thông tin phường, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn TNCS HCM và các tổ dân phố trên địa bàn phường xây dựng kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Sau mỗi năm học, BGH nhà trường rút kinh nghiệm từ năm học trước để chỉnh sửa, thay thế, bổ sung các nội dung mới cho trẻ được tham gia, được vui chơi một cách hứng thú, và tích cực nhất trong các dịp có sự kiện nổi bật như: “*Lễ hội làng Hà Trì; Văn nghệ Mừng Đảng mừng Xuân; Giao lưu ngoại khóa*”,... Tất cả các hoạt động đều được nhà trường tổ chức thành công và hiệu quả, đảm bảo tiến độ thời gian theo kế hoạch [H4-4.2-04].

Mức 3:

Nhà trường đã tham mưu và phối hợp hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nhằm xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trong quá trình thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển, nhà trường đã đề xuất thành công với UBND phường và công an phường cùng tham gia vào các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục xanh - sạch - đẹp - lành mạnh và an toàn cho trẻ. Đặc biệt, nhà trường đã huy động được phụ huynh học sinh ủng hộ ngày công lao động vệ sinh môi trường, sơn tường các lớp học, sửa chữa giá, kệ, đồ chơi ngoài trời; ủng hộ nguyên vật liệu sưu tầm làm đồ dùng đồ chơi,... Kết quả huy động đã góp phần cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Ngoài ra, nhà trường đã phối hợp với các tổ chức xã hội trên địa bàn để tổ chức thành công các ngày hội và ngày lễ, phù hợp với văn hóa địa phương [H4-4.2-04]. Nhờ các nỗ lực trên, nhà trường được công nhận là cơ quan đạt chuẩn văn hóa năm 2016 [H4-4.2-05]. Tuy nhiên, nhà trường vẫn cần tiếp tục cải thiện để thực sự trở thành trung tâm văn hóa và giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tích cực tham mưu và phối kết hợp chặt chẽ có hiệu quả với cấp ủy Đảng-HĐND-UBND phường Hà Cầu xây dựng cải tạo hệ thống sân trường, nhà xe, các lớp học tầng 3 và một số phòng chức năng tại khu trung tâm. Nhà trường được UBND phường giao cho mượn và sử dụng sân chơi, vườn hoa

có vị trí nằm cạnh công trường. Hằng năm, nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục từ phía phụ huynh các lớp ủng hộ các nguyên vật liệu để làm ĐDDC phục vụ việc dạy và học, ủng hộ các loại cây xanh, ủng hộ ngày công để cải tạo vườn cây cho trẻ được khám phá, trải nghiệm.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa và giáo dục, giao lưu với các trường bạn.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	CBGVNV và CMHS	- Xây dựng kế hoạch tổ chức các sự kiện văn hóa như: Hội chợ, triển lãm, các buổi biểu diễn nghệ thuật để tạo cơ hội cho trẻ được tham gia trải nghiệm và tìm hiểu về văn hóa của địa phương. - Tổ chức các buổi giao lưu với các trường mầm non trên cùng địa bàn phường để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tổ chức các hoạt động chung và xây dựng mối quan hệ cộng đồng.
- Xây dựng mối quan hệ CMHS và cộng đồng	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	CBGVNV	- Tạo cơ hội, mời phụ huynh tham gia các hoạt động sự kiện văn hóa của trường tổ chức. - Phối hợp cùng với các tổ chức, cộng đồng trong công tác tổ chức các hoạt động sự kiện tại địa phương; tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, các dự án cộng đồng.
- Phát triển chương trình giáo dục đặc thù và đầu tư cơ sở vật chất trường học.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng, PHT, TTCM, GV	- Xây dựng chương trình giáo dục trẻ tích hợp các yếu tố văn hóa và truyền thống của địa phương. - Xây dựng các phòng học sáng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			tạo, các không gian xanh để tạo môi trường lý tưởng cho trẻ học tập và vui chơi. Trang bị các đồ dùng, thiết bị hiện đại và học liệu phong phú, tạo điều kiện cho các hoạt động học tập đa dạng, tích cực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường có Ban đại diện CMHS hằng năm được thành lập và hoạt động theo quy định. Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS; sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS đã mang lại hiệu quả cao trong công tác CSNDGD trẻ. Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp Đảng ủy, chính quyền địa phương có chế độ chính sách, quan tâm, đầu tư cho giáo dục trên địa bàn phường; phối hợp với các lực lượng trong xã hội, với các tổ chức đoàn thể, cải tiến đổi mới hoạt động nâng cao chất lượng CSVC, trang thiết bị từ đó góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác CSGD trẻ. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

* Đánh giá:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2. Tỷ lệ 0%

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2. Tỷ lệ 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2. Tỷ lệ 0%

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 1/2. Tỷ lệ 50%
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2. Tỷ lệ 50%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mở đầu:

Trong những năm qua, trường Mầm non Hà Trì đã luôn quan tâm và thực hiện có hiệu quả công tác NDCS, giáo dục trẻ, đáp ứng tốt mục tiêu, yêu cầu về GD của cấp học mầm non. Nhà trường tổ chức cho 100% trẻ ăn bán trú tại trường, 100% trẻ được theo dõi sức khỏe định kỳ, được khám sức khỏe hằng năm, 100% các nhóm lớp thực hiện đúng chương trình GDMN và đạt được những kết quả phát triển toàn diện trên trẻ theo độ tuổi như: Phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội; trẻ có ý thức vệ sinh môi trường và an toàn giao thông. Bên cạnh đó, nhà trường còn theo dõi, đánh giá trẻ đi học chuyên cần, trẻ hoàn thành chương trình GDMN, trẻ được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi và kết quả theo dõi, đánh giá trẻ đều đảm bảo đạt theo yêu cầu của ngành đề ra. Xác định được mục tiêu giáo dục, nhà trường luôn làm tốt các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạo bầu không khí thân thiện, môi trường hoạt động lành mạnh đầy yêu thương, đảm bảo an toàn tuyệt đối về tâm lý và thể chất cho trẻ, tạo niềm tin cho phụ huynh và uy tín với ngành.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo các chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi; bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non. Căn cứ các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học, quy chế chuyên môn cấp học mầm non quận Hà Đông, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch hoạt động chuyên môn theo phiên chế năm học, khung thời gian hoạt động theo từng tháng, chủ đề, theo tuần. Trên cơ sở kế hoạch của nhà trường giáo viên xây dựng kế hoạch của nhóm lớp phù hợp với lứa tuổi, điều kiện thực tế của lớp, khả năng nhận thức của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Căn cứ vào mục tiêu và nội dung trong chương trình GDMN của Bộ GDĐT ban hành. Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của PGDĐT quận Hà Đông, nhà trường phát triển Chương trình GDMN theo đúng quy định chuyên môn của phòng GDĐT Hà Đông, đảm bảo nguyên tắc đồng tâm phát triển phù hợp điều kiện của nhà trường. Bám sát với mục tiêu nâng cao chung của phòng GDĐT Hà Đông, điều kiện diện tích thực tế, nhà trường đã xây dựng mục tiêu phát triển thể chất và kỹ năng tự phục cho trẻ làm mục tiêu trọng tâm nâng cao trong các năm học gần đây [H5-5.1-01].

Nhà trường định kỳ rà soát đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có những điều chỉnh kịp thời phù hợp. BGH, các đồng chí tổ trưởng các tổ chuyên môn phối hợp với giáo viên thường xuyên rà soát, đánh giá theo ngày, tháng, năm để điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với nhận thức của trẻ theo từng lớp, từng độ tuổi. Các tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN đối với các thành viên trong tổ từ đó phát huy những ưu điểm cũng như nêu rõ những tồn tại, hạn chế chưa thực hiện được để có sự điều chỉnh, thống nhất nội dung giảng dạy [H1-1.4-07]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện chương trình GDMN đảm bảo chất lượng, phù hợp với độ tuổi. Hằng năm có 100% trẻ được đánh giá đạt được các mục tiêu ở các lĩnh vực theo độ tuổi [H5-5.1-02]. Các hoạt động dự giờ, đánh giá việc thực hiện quy chế chuyên môn luôn đạt kết quả cao. Các hoạt động ngoại khóa và hội thi

cho trẻ được tổ chức hấp dẫn đảm bảo tính sáng tạo, khoa học và thu hút được sự tham gia ủng hộ của phụ huynh. Trong các năm học kết quả kiểm tra nội bộ và chuyên đề của nhà trường đạt loại khá và giỏi [H1-1.6-11]. Hằng năm, nhà trường tổ chức tốt các hội thi và sân chơi cho trẻ như: Chúng cháu vui khỏe, An toàn giao thông - cho nụ cười trẻ thơ, chương trình Hello Summer - Tỏa nắng để yêu thương”,...các hoạt động giao lưu thực hành kỹ năng cuộc sống, các chuyên đề giáo dục, kỹ năng thoát hiểm, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng PCCC, kỹ năng phơi giặt,...đều đạt kết quả tốt [H1-1.2-10].

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình phù hợp với kế hoạch của phòng Giáo dục và đặc điểm từng độ tuổi, tập trung vào các kỹ năng như tự phục vụ, giáo dục lòng yêu thương, phát triển không gian sáng tạo,... Giáo viên căn cứ vào khả năng của trẻ để đăng ký mục tiêu nhóm, lớp và lồng ghép vào kế hoạch giáo dục phù hợp. Nhà trường chú trọng khai thác và giáo dục các giá trị văn hóa dân gian trong hoạt động vui chơi, học tập của trẻ. Để giúp trẻ hiểu rõ hơn về truyền thống địa phương làng Hà Trì cũng như các ngành nghề, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên đưa các nội dung như: Dạy trẻ tìm hiểu về lễ hội Làng Hà Trì, Làng Đor, tổ chức cho trẻ thăm viếng bia thờ các anh hùng liệt sĩ tại đình làng Hà Trì,...vào chương trình giáo dục trẻ [H5-5.1-03].

Mức 3:

Nhà trường phát triển chương trình GDMN do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Montessori, Reggio Emilia, STEAM với 16 mục tiêu nâng cao chia đều cho các độ tuổi. Hiện tại, phương pháp Montessori được triển khai tại 07 nhóm, lớp; 16/16 nhóm, lớp ứng dụng phương pháp Reggio Emilia trong xây dựng môi trường giáo dục; 16/16 nhóm, lớp ứng dụng, lồng ghép STEAM trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ, đảm bảo phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ trong từng độ tuổi. Mỗi mục tiêu nâng cao có nhiều nội dung với độ khó tăng dần được phân bổ hợp lý vào các tháng, các chủ đề [H5-5.1-04]. Nhà trường đã đưa các bài tập giáo cụ phù hợp nhằm phát triển các kỹ năng, vận động tinh cho trẻ. Việc tận dụng các nguyên vật liệu thiên nhiên, tái chế trong tổ chức hoạt động của phương pháp Reggio Emilia đã giúp trẻ phát triển giác quan, gần gũi hơn với thiên nhiên, có kỹ năng bảo vệ môi trường. Các hoạt động nhóm, thiết kế và thực hiện thiết kế với các nguyên liệu sẵn có của phương pháp giáo dục STEAM giúp hoạt động của trẻ trong nhà trường hấp dẫn, hiệu quả hơn, trẻ có thêm vốn hiểu biết cũng như kỹ năng làm việc nhóm tốt hơn [H5-5.1-05]. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên lớn tuổi chưa mạnh dạn, chủ động ứng dụng các phương pháp

giáo dục tiên tiến trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

Hàng năm nhà trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình vào cuối mỗi năm học để có những điều chỉnh phù hợp giúp nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Căn cứ kết quả kiểm tra nội bộ, kết quả đánh giá trẻ theo mục tiêu giáo dục để có những nhìn nhận và điều chỉnh cho năm học tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-10]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới: Montessori, Reggio Emilia, STEAM một cách phù hợp và hiệu quả. Các hoạt động xây dựng trong chương trình đáp ứng được nhu cầu hứng thú của trẻ, hằng tháng, kỳ, năm đều được kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Điểm yếu:

Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên lớn tuổi chưa mạnh dạn, chủ động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tăng cường công tác bồi dưỡng tập huấn định kỳ nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng về các phương pháp giáo dục tiên tiến (Montessori, STEAM, Reggio Emilia) cho toàn thể giáo viên, đặc biệt tập trung vào những giáo viên lớn tuổi.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng; PHT phụ trách chuyên môn; Tổ trưởng chuyên môn	- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn định kỳ nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng về các phương pháp giáo dục tiên tiến (Montessori, STEAM, Reggio Emilia) cho toàn thể giáo viên, đặc biệt tập trung vào những giáo viên lớn tuổi. - Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn từ những giáo viên đã áp dụng thành công các phương pháp này, giúp đồng nghiệp học hỏi và áp dụng vào lớp học của

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			mình. - Mời giảng viên bồi dưỡng, tập huấn áp dụng phương pháp iên tiên cho đội ngũ giáo viên. - Khuyến khích giáo viên lớn tuổi thử nghiệm các phương pháp với sự đồng hành và hỗ trợ của những giáo viên có kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đảm bảo phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ vui chơi trải nghiệm.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ của từng độ tuổi và phù hợp với điều kiện của nhà trường, giáo viên các nhóm, lớp sử dụng nhiều phương pháp trong chương trình giáo dục trẻ như: phương pháp thực hành trải nghiệm, trực quan minh họa, dùng lời, tình cảm khích lệ, nêu gương - đánh giá đảm bảo đặc thù từng hoạt động, phù hợp từng độ tuổi nhằm đạt kết quả tốt nhất trong công tác tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H5-5.1-01], [H1-1.8-02].

Nhằm tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm để phát triển toàn diện khả năng của bản thân một cách tự nhiên nhất, nhà trường chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục trong các lớp học đảm bảo tính thẩm mỹ, phong phú, đa dạng, về các nguyên vật liệu, ĐDDC, tạo được các góc mở và để kích thích sự tích cực, chủ động tìm hiểu, khám phá [H5-5.2-01]. Bên cạnh đó, nhà trường đã tận dụng triệt để môi trường ngoài lớp học như sân chơi, các chiếu nghỉ, hành lang để thiết kế các khu vực chơi trải nghiệm và tạo không gian mở thu hút trẻ tham gia hoạt động một cách chủ động, tích cực và sáng tạo [H1-5.1-05], [H5-5.1-02].

Các hoạt động của trẻ được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng như: cả lớp, nhóm lớn, nhóm nhỏ, giao lưu giữa các lớp trong tổ khối, giao lưu giữa các khối Mẫu giáo và Nhà trẻ, giao lưu tổ. Các hoạt động được tổ chức linh hoạt khi tổ chức trong lớp, khi ngoài trời và đôi lúc trẻ được giao lưu cùng lớp bạn, điều này giúp trẻ củng cố sự tự tin, gần gũi và thân thiện [H1-1.8-02], [H5-5.2-03].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện tốt các nội dung giúp trẻ được thực hành trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh, trải nghiệm tại các khu sáng tạo, tổ chức các hoạt động giao lưu kỹ năng tự phục vụ, trò chơi dân gian, trò chơi vận động tạo phù hợp từng độ tuổi, tạo cơ hội cho trẻ được giao lưu phát triển tính tự tin, độc lập thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và các ngày hội ngày lễ của trẻ [H1-1.8-02]; [H5-5.2-03].

Mức 3

Nhà trường luôn chú trọng việc tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Trong các lớp học, ở mỗi góc chơi đều được thiết kế theo hướng mở, trẻ có thể tháo, lắp dễ dàng, các nguyên liệu được để trên giá kệ, hộp đựng dễ thấy, dễ lấy, giúp trẻ hứng thú trong hoạt động vui chơi học tập. Phòng đa năng, khu nghệ thuật, khu vận động của nhà trường được thiết kế chuyên biệt

với các trang thiết bị, đồ dùng hỗ trợ. Việc tổ chức các hoạt động tại các phòng chức năng mang lại hiệu quả tích cực trong việc phát triển toàn diện cho trẻ. Ngoài ra, trong khuôn viên trường còn có vườn rau, khu vui chơi phát triển thể chất cho trẻ thực hành trải nghiệm, đảm bảo trẻ có mọi cơ hội để phát triển toàn diện [H5-5.2-01], [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm cho trẻ.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục giúp nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng từng lứa tuổi của trẻ, kích thích trẻ hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học”.

3. Điểm yếu:

Tuy nhiên, một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động thực hành cho đội ngũ giáo viên.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng; PHT phụ trách chuyên môn; TTCM, GV	- Tổ chức các buổi bồi dưỡng, tập huấn chia sẻ kinh nghiệm, sinh hoạt chuyên môn về thiết kế và tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm cho trẻ với các nội dung cụ thể như: phương pháp tổ chức, cách thức chuẩn bị đồ dùng, nguyên liệu, cách theo dõi, đánh giá hiệu quả của hoạt động. - Khuyến khích, động viên, tạo cơ hội và hỗ trợ để giáo viên tự tin thử nghiệm, sáng tạo và có động lực hơn trong việc tổ chức hoạt động thực

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			hành, trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	Đạt
b	Đạt	...	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trạm y tế phường Hà Cầu và Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông khám sức khỏe cho trẻ 1-2 lần/năm [H5-5.3-01]; phối hợp cùng y tế tổ chức tiêm phòng sởi cho trẻ từ 3-6 tuổi [H5-5.3-02]; phun thuốc diệt muỗi phòng bệnh sốt xuất huyết, cung cấp cho nhà trường dung dịch CloraminB để tẩy rửa ĐDDC phòng dịch bệnh tay chân miệng [H5-5.3-03].

Nhà trường tổ chức cân đo và theo dõi sức khỏe trẻ trên biểu đồ tăng trưởng 4 lần/năm vào các tháng 9,12, 02, 4 hằng năm; nhân viên y tế kết hợp với giáo viên các nhóm, lớp cân đo theo dõi sự phát triển chiều cao, cân nặng hằng tháng đối với trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, cân nặng cao hơn so với tuổi, béo phì [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04]. Kết quả bình quân trong 05 năm liên tiếp như sau: Trẻ phát triển bình thường theo chiều cao, cân nặng: 99,2%; trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân: 0%; thừa cân: 0,5 %; trẻ thấp còi: 0.05% [H5-5.3-05].

100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Nhà trường có chế ăn uống và chế độ luyện tập dành riêng cho trẻ SDD, trẻ thừa cân. Chính vì vậy tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-04]; [H5-5.3-06].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức tư vấn, tuyên truyền phổ biến tới phụ huynh học sinh những kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhằm giúp trẻ phát triển cả về thể chất, tinh thần như: Tiêm chủng, uống Vitamin, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe răng miệng, các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đặc biệt là các trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì thông qua giờ đón, trả trẻ, qua bảng tuyên truyền, các buổi họp phụ huynh đầu năm, giữa năm, cuối năm, bảng tin nhà trường, loa phát thanh nhà trường [H4-4.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa mời được chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMHS để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần.

Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú với đầy đủ các điều kiện đảm bảo theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Trường mầm non và Quy chế nuôi dạy trẻ. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo cân đối tỷ lệ các chất P-L-G theo quy định. Nhà trường xây dựng thực đơn thay đổi theo tuần chẵn, tuần lẻ và theo mùa. Khi xây dựng thực đơn, nhà trường luôn chú trọng đến việc cân đối các chất và đảm bảo lượng Kcalo cho trẻ nhà trẻ đạt 600 - 651 Kcal/trẻ/ngày; trẻ mẫu giáo đạt từ 615-726 Kcal/trẻ/ngày đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 13/4/2021 về việc Ban hành chương trình giáo dục mầm non [H1-1.2-10]; [H1-1.6-06]; [H5-5.3-04].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch cải thiện cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, thấp còi được theo dõi và cân đo hằng tháng. Trẻ được quan tâm trong chế độ dinh dưỡng, tập luyện giúp cải thiện tình trạng thể lực [H5-5.3-04]; [H5-5.3-06]. Trong những năm học qua, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm bình quân 0,8%/năm; trẻ thấp còi giảm bình quân 0,6%/năm; trẻ thừa cân giảm 0.4%/năm trên số tổng học sinh toàn trường; trẻ có cân nặng, chiều cao phát triển

bình thường tăng bình quân 06%/năm [H5-5.3-05]; [H1-1.2-10].

Mức 3:

Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc việc cân đo đánh giá sức khỏe cho trẻ trên biểu đồ tăng trưởng theo từng quý, từng năm đúng theo quy định. Kết quả tổng hợp qua sổ theo dõi đánh giá trẻ của nhà trường hằng năm đảm bảo tỷ lệ trẻ phát triển bình thường đạt từ 98,4% -> 99,7% [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

2. Điểm mạnh:

100% trẻ được kiểm tra và khám sức khỏe ít nhất 1 lần/năm học. Trẻ SDD, trẻ thừa cân, béo phì đã được nhà trường áp dụng các biện pháp can thiệp kịp thời, hiệu quả. Thực đơn của trẻ được thay đổi theo tuần, theo mùa, đa dạng các loại thực phẩm và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Công tác tư vấn, phổ biến kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ cho các bậc phụ huynh được nhà trường quan tâm chú trọng và đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa mời được chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMHS để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Duy trì thực hiện các biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ để trẻ phát triển tốt.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, PHT phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng; nhân viên y tế.	- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch chăm sóc sức khỏe. - Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đánh giá kịp thời tình hình sức khỏe trẻ để có biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp.
- Nâng cao chất lượng tư vấn cho CMHS về các vấn đề liên quan đến sức khỏe và tinh thần trẻ.			- Tham mưu với phòng GDĐT quận Hà Đông, phòng y tế quận Hà Đông để mời các chuyên gia có uy tín về tư vấn cho CMHS. - Nhà trường rà soát CMHS là bác sĩ, y tá, giảng viên có kiến thức, hiểu biết về lĩnh vực

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			chăm sóc sức khỏe trẻ em, dinh dưỡng để mời tư vấn tuyên truyền cho giáo viên, nhân viên và phụ huynh.

6. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%

b) Trẻ khuyết tật hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường và giáo viên các nhóm, lớp đã có nhiều hình thức, biện pháp để động viên, khuyến khích trẻ đi học đều, tạo cơ hội cho trẻ được tham gia vào

các hoạt động tập thể, giao lưu cũng như giữ mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh để nắm bắt tình hình sức khỏe của trẻ khi nghỉ ốm. Vào đầu năm học, các nhóm, lớp đều đặt ra mục tiêu tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần và có các biện pháp thiết thực nhằm đạt được mục tiêu như: Trao đổi với CMHS về kế hoạch, mục tiêu của nhóm, lớp; làm tốt công tác tuyên truyền để phụ huynh hiểu được tầm quan trọng của chương trình giáo dục mầm non, từ đó cho trẻ đi học đều; tạo môi trường lớp học an toàn, thân thiện, yêu thương để trẻ yêu thích, mong muốn được đến lớp,... Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần trong 5 năm học liên tiếp đạt trung bình đạt 92.6% đối với trẻ 5 tuổi; trẻ dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 89.8% [H1-1.5-02]; [H5-5.3-04].

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, ưu tiên và vận động 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp. Hằng năm, phối hợp thực hiện tốt công tác phổ cập trẻ 5 tuổi, phân công giáo viên có trình độ trên chuẩn, có khả năng chuyên môn tốt dạy lớp 5 tuổi. Đồng thời tuyên truyền, phối kết hợp với cha mẹ học sinh trong việc huy động trẻ 5 tuổi đi học đầy đủ đảm bảo theo quy định. Cuối năm học có 100% trẻ 5 tuổi của trường được hoàn thành chương trình GDMN [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường [H1-1.5-02].

Mức 2:

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động trực tiếp đến tỷ lệ trẻ em đi học chuyên cần của nhà trường trong các năm học 2019-2020; 2020-2021. Cụ thể, tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần bình quân trong 5 năm học đạt 92.6% đối với trẻ 5 tuổi; trẻ dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 89.8%. Tuy nhiên, tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt từ 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi và đạt từ 90% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác [H1-1.05-02]; H5-5.3-04].

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, huy động trẻ 5 tuổi trên địa bàn được phân tuyến tuyển sinh ra lớp đạt 100%. Đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, tăng cường hệ thống CSVC, đội ngũ chăm sóc giáo dục trẻ 5 tuổi có trình độ chuyên môn vững vàng. Nhà trường chú trọng khảo sát, đánh giá chất lượng trẻ 5 tuổi và có biện pháp chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên lớp mẫu giáo 5 tuổi điều chỉnh kế hoạch, bồi dưỡng chất lượng học sinh phù hợp giúp trẻ phát triển toàn diện, nâng cao chất lượng trẻ 5 tuổi. Kết quả trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN cuối các năm học đạt 100% [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường [H1-1.05-02].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi,

đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn phổ cập trẻ em 5 tuổi, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ 5 tuổi. Do vậy, cuối các năm học tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường [H1-1.05-02].

2. Điểm mạnh:

100% trẻ 5 tuổi đã hoàn thành chương trình GDMN và đạt phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi theo đúng quy định. Nhà trường không có trẻ khuyết tật học tại trường. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đảm bảo đạt từ 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 90%.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần không đồng đều ở các tháng.

4. Kế hoạch cải tiến:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Nắm bắt, theo dõi lý do trẻ vắng mặt không đến lớp.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Giáo viên	- Giữ mối liên hệ mật thiết với CMHS để nắm bắt tình hình sức khỏe của trẻ khi trẻ không đến lớp. - Theo dõi sự vắng mặt của trẻ để tìm hiểu, phân tích nguyên nhân để hiểu rõ hơn về những vấn đề ảnh hưởng đến việc đi học đều của trẻ.
- Nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ trong các độ tuổi.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, PHT và giáo viên 16 nhóm lớp.	- Tăng cường công tác tuyên truyền với CMHS và cộng đồng dân cư về tầm quan trọng của chương trình GDMN, lợi ích của việc đi học đều. - Chỉ đạo giáo viên xây dựng tốt môi trường tâm lý, môi trường vật chất để thu hút trẻ đến lớp. - Tổ chức tốt các hoạt động, sự kiện, ngày lễ hội, tạo khung cảnh trang trí thay đổi trong và ngoài lớp học, môi

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
			trường sáng, xanh, sạch đẹp, thân thiện,... nhằm thu hút trẻ thích đến lớp. - Tuyên dương, động viên những lớp có tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần ổn định, đồng đều giữa các tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trường Mầm non Hà Trì trong các năm học qua đã luôn thực hiện đúng Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành, thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nhiệm vụ năm học. Nhà trường thường xuyên khảo sát, đánh giá việc thực hiện của giáo viên, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp để nâng cao chất lượng CSNDGD. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn và phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ với phương châm “*Chơi mà học, học bằng chơi*” Việc tổ chức các hoạt động giáo dục được nhà trường thực hiện linh hoạt, vận dụng sáng tạo, hiệu quả các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới dựa trên quan điểm “*Lấy trẻ làm trung tâm*”. Giáo viên các nhóm, lớp tổ chức tốt các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh qua các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, ngày hội, ngày lễ; thực hiện tốt theo chế độ sinh hoạt hàng ngày nên chất lượng luôn đạt kết quả tốt. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Nhà trường luôn chú trọng đến công tác CSND trẻ. Hằng năm, trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ và được khám sức khỏe theo định kỳ theo quy định của bộ y tế và có nhiều biện pháp can thiệp để cải thiện tình trạng sức khỏe đối với những trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân,... đạt hiệu quả.

*** Đánh giá:**

- Mức 1:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 4/4. Tỷ lệ 100%
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/4. Tỷ lệ 0%
- Mức 2:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 4/4. Tỷ lệ 100%
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/4. Tỷ lệ 0%
- Mức 3:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 4/4. Tỷ lệ 100%
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/4. Tỷ lệ 0%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4:

Tiêu chí 1: *Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GDĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành trên cơ sở tham khảo và áp dụng hiệu quả một số chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới phù hợp với thực tiễn của nhà trường, phù hợp với các hoạt động giáo dục và nhận thức của trẻ. Cụ thể, nhà trường đã áp dụng phương pháp Montessori, Steam vào tổ chức các hoạt động ở 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H7-1.4-08]; [H7-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành trên cơ sở tham khảo và áp dụng một số chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới phù hợp với thực tiễn của nhà trường, phù hợp với các hoạt động giáo dục và nhận thức của trẻ.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; đưa vào kế hoạch giáo dục năm học, mỗi năm xây	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	Hiệu trưởng, PHT và giáo	- Phối kết hợp với các bậc CMHS thực hiện xã hội hóa chú trọng đến công tác mua sắm

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
dựng 3-5 chuyên đề ứng dụng phương pháp Montessori hoặc STEAM; đồng thời đầu tư kinh phí mua sắm đồ dùng, trang thiết bị phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc ứng dụng đồng bộ phương pháp giáo dục Montessori hoặc Steam vào các lớp.	theo	viên 16 nhóm lớp.	trang thiết bị, ĐDDC . - Phát động phong trào làm ĐDDC tự tạo Montessori và Steam trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên. Trong đó có 21% giáo viên đạt mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

100% giáo viên của nhà trường được đánh giá đạt từ mức Khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp. Chất lượng giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt mức tốt của nhà trường còn thấp (21%)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục	* Năm học 2024-2025	Hiệu	- Quan tâm bồi

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên.	+ Tháng 6/2024 - Đánh giá chi tiết thực trạng, xác định nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ giáo viên đạt mức tốt thấp (thiếu kỹ năng, phương pháp giảng dạy, thiếu động lực, v.v.). - Lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng, tập trung vào các điểm yếu chung của giáo viên. + Tháng 7-8: Tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy. + Phân công giáo viên xuất sắc hướng dẫn, kèm cặp giáo viên chưa đạt mức tốt. + Tháng 9-10-11: + Triển khai thử nghiệm các phương pháp mới trong giảng dạy, đồng thời tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm. + Tháng 12-1 Tổ chức đánh giá giữa kỳ để đo lường sự tiến bộ, điều chỉnh kế hoạch nếu cần. - Khen thưởng giáo viên có cải thiện vượt bậc nhằm khuyến khích tinh thần phấn đấu. * Các năm tiếp theo: - Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, tập trung nâng cao phương pháp giảng dạy hiện đại như STEAM, Montessori,	trưởng, PHT, GV.	duỡng cho giáo viên về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm. - Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng Tiếng Anh giao tiếp, tin học nâng cao trình độ. - Động viên, khuyến khích tạo điều kiện cho giáo viên tự học tập bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng sư phạm.

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
	Reggio Emilia. - Tăng cường tổ chức hội giảng và các hoạt động thi đua trong đội ngũ giáo viên. - Xây dựng tài liệu giảng dạy tiêu chuẩn và tổ chức các buổi thực hành tại lớp học. Tổ chức đánh giá định kỳ, phân tích số liệu để xác định mức độ tiến bộ của giáo viên. Đặt mục tiêu nâng tỷ lệ giáo viên đạt mức tốt tăng dần theo năm.		

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có diện tích sân chơi là 1.260,8m²/2.262,2m², đạt tỷ lệ 56%, đảm bảo diện tích trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Nhà trường đã bố trí đa dạng các mô hình trải nghiệm ngoài trời như: Khu vận động, vườn rau, hệ thống đồ chơi ngoài trời,... để tận dụng tối đa cơ hội tiếp xúc, tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài trời cho trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện; hệ thống cây cho bóng mát, cây cảnh, cây hoa được trồng, bố trí tại các hành lang, được cắt tỉa gọn gàng tạo khuôn viên trường sáng - xanh - sạch - đẹp. Cùng với khu vui chơi ngoài trời, nhà trường xây dựng thêm các góc chơi, khu hoạt động khám phá trải nghiệm ngoài lớp học. Các góc cho trẻ hoạt động được trang trí đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện, phù hợp lứa tuổi, bố trí thuận tiện, hợp lý linh hoạt đáp ứng nhu cầu hoạt động vui chơi của trẻ [H31-3.1-01]; [H31-3.1-02]; [H31-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích sân vườn chiếm 55,7% so với tổng diện tích toàn trường, đảm bảo diện tích trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Sân vườn, khu vực cho trẻ chơi đảm bảo an

toàn cho trẻ, có nhiều cây cảnh, có vườn rau xanh, có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tăng cường đầu tư thêm các đồ dùng, đồ chơi ngoài trời mang tính hiện đại đáp ứng nhu cầu vui chơi, khám phá trải nghiệm của trẻ.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, PHT, Kế toán.	- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung. - Tham mưu, đề xuất hỗ trợ kinh phí của các cấp đồng thời huy động xã hội hóa để tạo nguồn mua sắm đồ dùng, đồ chơi ngoài trời mang tính hiện đại đáp ứng nhu cầu vui chơi, khám phá trải nghiệm của trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có 02 điểm trường với 100% các công trình được xây dựng kiên cố. Có khu vui chơi phát triển thể chất để trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục đồ chơi ngoài trời do Bộ GDĐT ban hành. Dựa trên điều kiện thực tế của mình, nhà trường đã sáng tạo ra các đồ dùng, đồ chơi, khu vui chơi phù hợp để giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất [H31-3.1-01]; [H31-3.1-03]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý do diện tích còn hạn hẹp.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có 100% các công trình được xây dựng kiên cố. Có khu phát triển vận động cho trẻ, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ GDĐT ban hành.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Bố trí, cải tạo, sắp xếp lại hệ thống phòng để tạo phòng tư vấn tâm lý.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng	- Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp đầu tư kinh phí để cải tạo, sửa chữa, mở thêm phòng nhằm đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã và đang phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ duy trì ổn định và phát triển hằng năm. Phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025 còn mục tiêu chuẩn đào tạo chưa hoàn thiện [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã và đang phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; tính đến thời điểm tự đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ duy trì ổn định và phát triển hằng năm.

3. Điểm yếu:

- Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc mục tiêu phương hướng chiến lược phát triển theo từng lộ trình. Tích cực tham mưu	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	Hiệu trưởng, PHT và giáo viên 16 nhóm,	- Tăng cường công tác tuyên truyền với CMHS và cộng đồng dân cư về tầm quan trọng của chương trình GDMN.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
với các ngành các cấp, đồng thời làm tốt công tác vận động, tuyên truyền tới phụ huynh cho trẻ đi học đều, mua sắm bổ sung các thiết bị hiện đại phục vụ cho nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ, làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh cho trẻ đi lớp đều để tỷ lệ đạt chuyên cần được cao hơn nữa.	theo.	lớp.	- Chỉ đạo giáo viên xây dựng tốt môi trường tâm lý, môi trường vật chất để thu hút trẻ đến lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện KT- XH tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận. Cụ thể, từ năm học 2019-2020 đến nay, nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Trong đó, năm học 2021-2022 nhà trường được UBND thành phố Hà Nội tặng giấy khen Tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2022-2023 nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen [H23-1.4- 12].

2. Điểm mạnh:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

3. Điểm yếu:

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được phần đầu xây dựng trường mầm non ngày càng phát triển	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	CBGVNV	- Tập trung huy động mọi nguồn lực về con người, CSVC, trang thiết bị, xây dựng kế hoạch,...nhằm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội hơn nữa so với các trường có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận: Qua quá trình TĐG các tiêu chí Mức 4 của nhà trường, hội đồng TĐG nhận thấy nhà trường có những điểm mạnh nổi bật như sau:

Nhà trường có đội ngũ giáo viên có chất lượng đáp ứng được phương hướng chiến lược, xây dựng và phát triển của nhà trường. Có diện tích sân vườn và khu vực cho trẻ chơi đạt chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Môi trường trong và ngoài lớp được bố trí sắp xếp theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Hằng năm, nhà trường được UBND Quận Hà Đông tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Trong đó, năm học 2021-2022 nhà trường được UBND thành phố Hà Nội tặng giấy khen Tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2022-2023 nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen.

Bên cạnh kết quả đã đạt được Mức 4 còn một số hạn chế sau: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt mức tốt của nhà trường còn thấp (21%). Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý.

Mức 4 có 6 tiêu chí, trong đó:

Số tiêu chí đạt là: 4/6. Tỷ lệ 67%.

Số tiêu chí không đạt là: 2/6. Tỷ lệ 33%.

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo ngành, Đảng ủy, chính quyền địa phương, cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, trường Mầm non Hà Trì đã hoàn thành quy trình TĐG. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, nhà trường đã nghiêm túc tuân theo các bước thực hiện, sử dụng toàn bộ dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách trung thực, khách quan, bám sát nội hàm các chỉ số, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn chất lượng của trường mầm non. Qua quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 15/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 78.9 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 4/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 21.0%;

- Mức 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt 4/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 67 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 2/4 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 33%;

- Mức đánh giá của trường: **Mức 2**

Căn cứ theo 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Trường Mầm non Hà Trì đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, Chuẩn quốc gia Mức độ I./.

Hà Đông, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Kim Huế

PHẦN IV - PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ THÔNG TIN VÀ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 2021-2025	Số 13/KH-MNHT ngày 15/03/2021	Trường Mầm non Hà Trì	
	2	H1-1.1-02	Các kế hoạch, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Nghị quyết Hội đồng các cấp về chỉ tiêu phát triển định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, của ngành.	Số 143-KH/UBND ngày 12/05/2017 Số 56/KH-UBND ngày 29/01/2021 Số 55/KH-UBND ngày 27/02/2021	UBND TP Hà Nội UBND Quận Hà Đông	
	3	H1-1.1-03	Biên bản công khai và kết thúc công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, website trường.	Năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	4	H1-1.1-04	Biên bản kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	5	H1-1.1-05	Báo cáo sơ kết việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	6	H1-1.1-06	Sổ nghị quyết họp Hội đồng trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 1.2	7	H1-1.2-01	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Số 977/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/9/2022	Phòng GDĐT Hà Đông	
	8	H1-1.2-02	Quyết định kiện toàn hội đồng trường	Số 185/QĐ-PGDĐT ngày 27/8/ 2024	Phòng GDĐT Hà Đông	
	9	H1-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	10	H1-1.2-04	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường	Số 81/QC-MNHT ngày 04/10/2022	Trường Mầm non Hà Trì	
	11	H1-1.2-05	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường	Số 82/KH-MNHT ngày 04/10/2022	Trường Mầm non Hà Trì	
	12	H1-1.2-06	Biên bản họp xét nâng lương CBGVNV.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	13	H1-1.2-07	Biên bản họp xét thi đua	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	14	H1-1.2-08	Biên bản họp của Hội đồng chấm SKKN	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	15	H1-1.2-09	Biên bản chấm thi giáo viên giỏi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	16	H1-1.2-10	Báo cáo tổng kết năm học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 1.3	17	H1-1.3-01	Quyết định thành lập công đoàn Kiện toàn BCH công đoàn trường MNHT	Số 95/QĐ-CDGD ngày 03/10/2014 Số 84/QĐ-CDGD ngày 22/11/2021	Công đoàn ngành giáo dục Hà Đông	
	18	H1-1.3-02	Quyết định thành lập Ban nữ công quần chúng nhiệm kỳ 2023-2028 Quyết định công nhận BCH ủy ban kiểm tra công đoàn trường MNHT nhiệm kỳ 2023-2028	Số 10/QĐ-CĐMNHT ngày 27/12/2022 Số 233/QĐ-LĐLĐ ngày 29/12/2022	LĐLĐ quận Hà Đông	
	19	H1-1.3-03	Nghị quyết thành lập Chi đoàn và bổ nhiệm chức danh BT, PBT, ủy viên BCH chi đoàn lâm thời trường MNHT	Số 25/NQ-ĐTN ngày 11/11/2014 Số 05-QĐ/ĐTN ngày 29/01/2024	Ban chấp hành đoàn phường Hà Cầu	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			Quyết định công nhận chức danh Bí thư, PBT, Ủy viên BCH chi đoàn trường MNHT nhiệm kỳ 2024-2025			
	20	H1-1.3-04	Quyết định thành lập Hội chữ thập đỏ trường MN Hà Trì	Số 19/QĐ-CTĐ ngày 25/7/2021	UBND phường Hà Cầu	
	21	H1-1.3-05	Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	22	H1-1.3-06	Báo cáo tổng kết của các hoạt động đoàn thể	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	23	H1-1.3-07	Quyết định thành lập chi bộ.	Số 35-QĐ/ĐU ngày 19/8/2014	Đảng ủy phường Hà Cầu	
	24	H1-1.3-08	Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử Chi ủy, Bí thư, Phó bí thư chi bộ trường MNHT nhiệm kỳ 2022-2025	Số 83-QĐ/ĐU ngày 14/07/2022	Đảng ủy phường Hà Cầu	
	25	H1-1.3-09	Quy chế, kế hoạch hoạt động của chi bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	26	H1-1.3-10	Các loại chứng nhận, giấy khen của Chi bộ nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Đảng ủy phường Hà Cầu	
	27	H1-1.3-11	Các loại chứng nhận, giấy khen của	Từ năm học 2019-2020	Đảng ủy, UBND phường	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Hội chữ thập đỏ...	đến năm học 2023-2024	Hà Cầu	
	28	H1-1.3-12	Danh sách ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	29	H1-1.3-13	Danh sách công đoàn viên hiến máu nhân đạo	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	30	H1-1.3-14	Danh sách CBGVNV ủng hộ quỹ vòng tay đồng nghiệp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	31	H1-1.3-15	Giấy khen cá nhân đạt danh hiệu “Gia đình CNVC tiêu biểu quận Hà Đông năm 2023	Số 291/QĐ-LĐLĐ ngày 19/9/2023.	Liên đoàn Lao động quận Hà Đông	
Tiêu chí 1.4	32	H1-1.4-01	Quyết định phân hạng trường	Số 2940/QĐ-UBND ngày 12/05/2014; Số 8240/QĐ-UBND ngày 16/10/2014; Số 5427/QĐ-UBND ngày 10/9/2015; Số 5878/QĐ-UBND ngày 10/8/2016; Số 6888/QĐ-UBND ngày 9/9/2017	UBND quận Hà Đông	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	33	H1-1.4-02	Quyết định, điều động bổ nhiệm lại chức danh Hiệu trưởng	Số 2187/QĐ-UBND ngày 30/5/2021	UBND quận Hà Đông	
	34	H1-1.4-03	Quyết định bổ nhiệm lại chức danh phó Hiệu trưởng 1	Số 3992/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	UBND quận Hà Đông	
	35	H1-1.4-04	Quyết định, điều động bổ nhiệm chức danh phó Hiệu trưởng 2	Số 2561/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	UBND quận Hà Đông	
	36	H1-1.4-05	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	37	H1-1.4-06	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	38	H1-1.4-07	Sổ nghị quyết sinh hoạt của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	39	H1-1.4-08	Sổ chuyên môn của giáo viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	40	H1-1.4-09	Kế hoạch chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch bồi dưỡng chuyên đề, chuyên môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	41	H1-1.4-10	Giấy khen của GV về CNTT, GV giỏi cấp quận, thành phố	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phòng GDĐT Hà Đông, Sở GDĐT Hà Nội.	
	42	H1-1.4-11	Giấy khen của NV cấp quận, thành	Từ năm học 2019-2020	Phòng GDĐT Hà Đông	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			phổ	đến năm học 2023-2024	Sở GDĐT Hà Nội	
	43	H1-1.4-12	Giấy khen tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua và thực hiện chuyên đề	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND TP Hà Nội UBND quận Hà Đông, Phòng GDĐT Hà Đông, UBND phường Hà Cầu	
Tiêu chí 1.5	44	H1-1.5-01	Danh bộ học sinh và quyết định phân trẻ vào các nhóm/lớp	Năm học 2024-2025	Trường Mầm non Hà Trì	
	45	H1-1.5-02	Sổ theo dõi trẻ đến nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	46	H1-1.5-03	Văn bản đề xuất, kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025	Tháng 5 năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 1.6	47	H1-1.6-01	Sổ theo dõi nhân sự và thi đua	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	48	H1-1.6-02	Hồ sơ nhân sự của CBGVNV.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	49	H1-1.6-03	Hồ sơ quản lý chuyên môn chăm sóc nuôi dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	50	H1-1.6-04	Hồ sơ quản lý chuyên môn dạy	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	51	H1-1.6-05	Hồ sơ quản lý tài sản cố định,	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			CSVC tài chính.	đến năm học 2023-2024		
	52	H1-1.6-06	Hồ sơ quản lý bán trú.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	53	H1-1.6-07	Sổ theo dõi công văn đi đến.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	54	H1-1.6-08	Hồ sơ lưu trữ của văn thư.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	55	H1-1.6-09	Dự toán, báo cáo quyết toán tài chính hằng năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND quận Hà Đông Trường Mầm non Hà Trì	
	56	H1-1.6-10	Hồ sơ và các biểu thống kê công khai của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	57	H1-1.6-11	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	58	H1-1.6-12	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	59	H1-1.6-13	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều trong quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	60	H1-1.6-14	Quyết định thành lập tổ mua sắm, sửa chữa CSVC	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	61	H1-1.6-15	Kế hoạch mua sắm, cải tạo và sửa	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			chữ tài sản CSV	đến năm học 2023-2024		
	62	H1-1.6-16	Hình ảnh và thực tế khu trải nghiệm sáng tạo, khu phát triển vận động, vườn cây của bé,...	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	63	H1-1.6-17	Hợp đồng các phần mềm quản lý	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 1.7	64	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên đề của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	65	H1-1.7-02	Sổ bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	66	H1-1.7-03	Danh sách CBGVNV tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và danh sách cấp phát trang đồ dùng, trang thiết bị cho GVNV và các nhóm lớp.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	67	H1-1.7-04	QĐ phân công nhiệm vụ cho CBGVNV theo từng năm học.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	68	H1-1.7-05	Bảng phân công dây chuyền của giáo viên và nhân viên tổ bếp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	69	H1-1.7-06	Kế hoạch CSSK và y tế học đường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	70	H1-1.7-07	QĐ phân công nhiệm vụ cho BV và HDLD	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	71	H1-1.7-08	Tờ trình và hợp đồng tổ chức cho CBGVNV tham quan, du lịch	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	72	H1-1.7-09	Danh sách CBGVNV tham gia đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	73	H1-1.7-10	Tổng hợp đánh giá CBGVNV hằng tháng của CBGVNV	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 1.8	74	H1-1.8-01	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	75	H1-1.8-02	Kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	76	H1-1.8-03	Biên bản kiểm tra công tác y tế học đường, an toàn, dịch bệnh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Sở y tế TP Hà Nội, phòng y tế Hà Đông	
Tiêu chí 1.9	77	H1-1.9-01	Sổ nghị quyết hội nghị CBCCVC	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	78	H1-1.9-02	Hồ sơ thực hiện Quy chế dân chủ ở	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			cơ sở	đến năm học 2023-2024		
	79	H1-1.9-03	Sổ ghi biên bản họp hội đồng nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	80	H1-1.09-04	Hồ sơ tiếp công dân	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	81	H1-1.9-05	Báo cáo của Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	82	H1-1.9-06	Giấy khen của Đảng ủy về thực hiện quy chế dân chủ.	Năm học 2020-2021	Đảng ủy phường Hà Cầu	
Tiêu chí 1.10	83	H1-1.10-01	Các phương án, kế hoạch đảm bảo ANTT trong nhà trường, an toàn phòng chống TNTT, phòng chống dịch bệnh, phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống cháy nổ,...	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	84	H1-1.10-02	Thực tế bảng nội quy trường học, phòng bảo vệ có số điện thoại công an phường, công an PCCC,...	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	85	H1-1.10-03	Giấy chứng nhận bếp ăn đủ điều kiện vệ sinh ATTP	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phòng y tế quận Hà Đông	
	86	H1-1.10-04	Thực tế bảng nội quy tiếp công		Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			dân, hộp thư góp ý và số điện thoại đường dây nóng	Năm 2024		
	87	H1-1.10-05	Sổ nhật kí nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	88	H1-1.10-06	Giấy chứng nhận trường học an toàn và phòng chống tai nạn thương tích	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	89	H1-1.10-07	Bản cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo của cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	90	H1-1.10-08	Ảnh tập huấn PCCC và PCTNTT	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	91	H1-1.10-09	Hồ sơ PCCC, Giấy chứng nhận đội PCCC cơ sở	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	92	H1-1.10-10	Hình ảnh tổ chức kỹ năng PCCC qua sân chơi: “Lính cứu hỏa tí hon”	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	93	H1-1.10-11	Phương án phối hợp với công an phường, tổ dân phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 2.1	94	H2-2.1-01	Phiếu đánh giá chuẩn Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	95	H2-2.1-02	Kế hoạch tổ chức chuyên đề (tập huấn, bồi dưỡng)	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	96	H2-2.1-03	Công văn và danh sách triệu tập tham gia bồi dưỡng chính trị	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 2.2	97	H2-2.2-01	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	98	H2-2.2-02	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 2.3	99	H2-2.3-01	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	100	H2-2.3-02	Danh sách đánh giá, xếp loại GVNV hằng năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ cơ quan doanh nghiệp	
	101	H2-2.3-03	Giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm của nhân viên nuôi dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phòng y tế quận Hà Đông	
	102	H2-2.3-04	Chúng chỉ tập huấn nghiệp vụ của nhân viên bảo vệ/ Văn bản triệu tập nhân viên BV tham gia bồi dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ cơ quan doanh nghiệp	
Tiêu chí 3.1	103	H3-3.1-01	Thông báo giao sử dụng đất cùng công trình đã xây dựng; Giấy thông	Số 6328/QĐ-UBND ngày 28/11/2014	UBND Thành phố Hà Nội	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			báo cho mượn đất khu vực ngoài trường và hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường	Số 242/UBND-VHTT ngày 18/8/2018	UBND phường Hà Cầu	
	104	H3-3.1-02	Ảnh chụp và thực tế tổng thể nhà trường	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	105	H3-3.1-03	Ảnh chụp và thực tế cảnh quan, khuôn viên trường	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	106	H3-3.1-04	Thực tế sân chơi, vườn cây, vườn rau của bé	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	107	H3-3.1-05	Thực tế và danh sách đồ chơi ngoài trời	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 3.2	108	H3-3.2-01	Ảnh chụp và thực tế các phòng sinh hoạt chung (nhóm lớp) và các phòng chức năng, khu vận động, khu nghệ thuật	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	109	H3-3.2-02	Sổ tài sản của các khối phòng hành chính, quản trị, phòng phục vụ học tập, phòng chức năng và các nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	110	H3-3.2-03	Báo cáo thống kê về CSVC hằng năm	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				đến năm học 2023-2024		
Tiêu chí 3.3	111	H3-3.3-01	Ảnh chụp và thực tế khối phòng hành chính, quản trị	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	112	H3-3.3-02	Danh mục thuốc, thiết bị y tế	Năm 2024		
	113	H3-3.3-03	Ảnh chụp và thực tế nhà xe CBGVNV	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 3.4	114	H3-3.4-01	Ảnh chụp và thực tế bếp ăn một chiều	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	115	H3-3.4-02	Ảnh chụp và thực tế kho để lương thực, thực phẩm của giáo viên và trẻ	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	116	H3-3.4-03	Sổ theo dõi đồ dùng, thiết bị bếp ăn bán trú.	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 3.5	117	H3-3.5-01	Danh sách giáo viên các nhóm lớp ký nhận đồ dùng, đồ chơi phát triển kỹ năng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	118	H3-3.5-02	Biên bản thanh lý đồ dùng, trang thiết bị đã qua sử dụng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	119	H3-3.5-03	Hợp đồng và hóa đơn kết nối mạng Internet	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	120	H3-3.5-04	Ảnh và hình ảnh hội thi làm ĐDDC tự tạo cấp trường, Thống kê danh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			mục ĐDDC tự làm.			
Tiêu chí 3.6	121	H3-3.6-01	Ảnh chụp và thực tế khu vệ sinh của trẻ và của CBGVNV	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	122	H3-3.6-02	Hợp đồng cung cấp nước sạch với nhà máy nước sạch Hà Đông và hợp đồng thuê bể nước hằng năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Đông	
	123	H3-3.6-03	Kết quả xét nghiệm mẫu nước	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội	
	124	H3-3.6-04	Hợp đồng thu gom rác thải	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 4.1	125	H4-4.1-01	QĐ thành lập Ban đại diện CMHS	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	126	H4-4.1-02	Biên bản họp CMHS trường, lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	127	H4-4.1-03	Kế hoạch, báo cáo về hoạt động của Ban đại diện CMHS	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	128	H4-4.1-04	Hình ảnh phụ huynh học sinh cùng tham gia các hoạt động liên hoan, lễ hội ngoại khóa do nhà trường tổ chức	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	129	H4-4.1-05	Hình ảnh minh họa phụ huynh tham gia lao động giúp nhà trường.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 4.2	130	H4-4.2-01	Văn bản, tờ trình gửi các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	131	H4-4.2-02	Báo cáo định kỳ, văn bản tham mưu với các cấp Đảng ủy, Chính quyền địa phương, bài tuyên truyền về việc thực hiện CSGD trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	132	H4-4.2-03	Biên bản tiếp nhận đồ chơi ngoài trời.	Năm 2018	Trường Mầm non Hà Trì	
	133	H4-4.2-04	Ảnh của nhà trường tham gia các hoạt động lễ hội, sự kiện của địa phương	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	134	H4-4.2-05	Chứng nhận cơ quan đạt Chuẩn văn hóa	Năm 2016	LĐLĐ quận Hà Đông	
Tiêu chí 5.1	135	H5-5.1-01	Mục tiêu giáo dục trẻ các độ tuổi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	136	H5-5.1-02	Tổng hợp đánh giá trẻ theo mục tiêu	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	137	H5-5.1-03	Ảnh chụp GV và trẻ đi thăm viếng Bia thờ các anh hùng liệt sĩ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	138	H5-5.1-04	Bảng phân bổ mục tiêu GD	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	139	H5-5.1-05	Ảnh và hình ảnh trẻ hoạt động tại các góc kỹ năng, trải nghiệm,...	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 5.2	140	H5-5.2-01	Hình ảnh và thực tế môi trường giáo dục của các nhóm, lớp.	Năm 2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	141	H5-5.2-02	Hình ảnh và thực tế các khu vui chơi, trải nghiệm.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	142	H5-5.2-03	Thực tế và hình ảnh các hoạt động vui chơi, học tập của trẻ tại các khu trải nghiệm sáng tạo	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 5.3	143	H5-5.3-01	Sổ khám sức khỏe của trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	144	H5-5.3-02	Danh sách trẻ tiêm sởi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	145	H5-5.3-03	Hình ảnh phun thuốc muỗi phòng dịch bệnh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	146	H5-5.3-04	Sổ theo dõi chất lượng nhà trường	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non Hà Trì	

Tiêu chí	Số TT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát)	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				đến năm học 2023-2024		
	147	H5-5.3-05	Tổng hợp sức khỏe trẻ hằng năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	148	H5-5.3-06	Kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
Tiêu chí 5.4	149	H5-5.4-01	Báo cáo thống kê phổ cập trẻ 5 tuổi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	
	150	H5-5.4-02	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non Hà Trì	